

**Đại Phương Quảng Phật  
Hoa Nghiêm Kinh  
Phẩm thứ mười một  
Tịnh Hạnh Phẩm  
Phần 54  
大方廣佛華嚴經  
(十一) 淨行品**

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không  
Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội  
Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005  
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giáo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang và Minh Tiến

***Tập 1569***

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ tám trong phần Kế Tụng, xem từ bài kệ thứ tư.

***(Kinh) Thịnh thử viêm độc, đương nguyện chúng sanh, xả ly chúng não, nhất thiết giai tận.***

***(經) 盛暑炎毒。當願眾生。捨離眾惱。一切皆盡。***

***(Kinh: Nắng gắt, nóng độc, nguyện cho chúng sanh, bỏ lìa các não, hết thảy đều tận).***

Đây là lúc khí trời oi bức vào mùa Hạ, Bồ Tát cảm phát đại nguyện, “*đương nguyện chúng sanh, xả ly chúng não, nhất thiết giai tận*” (nguyện cho chúng sanh, bỏ lìa các phiền não, hết thảy đều tận). “*Não*” (惱) là phiền não; vì sao phải bỏ sạch phiền não? Vì trong tự tánh chẳng có phiền não. Phiền não do đâu mà có? Sau khi đã mê tự tánh. Nói cách khác, Tánh Đức thuần tịnh thuần thiện biến hiện thành phiền não; hễ giác ngộ, nó sẽ lại khôi phục. Chúng tôi dùng thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bồn Thắng để mọi người có thể lý giải chuyện này. “*Thuần tịnh thuần thiện*”: Thiện ở đây chẳng phải là thiện trong “thiện - ác”. Thiện trong “thiện - ác” là tương đối, chẳng phải là thanh tịnh thật sự. Bất quá sự cấu nhiễm của nó (thiện) tương ứng với Tánh Đức, chẳng trái nghịch Tánh Đức, còn ác thì hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức.

Trái nghịch có mức độ sai khác. Chúng ta nói 0 độ (không độ) là thuần tịnh, thuần thiện. Một độ, hai độ là có sai lệch, nhưng mức độ sai lệch chẳng lớn. Đến tám độ, chín độ, mười độ, vẫn chưa coi là to lớn. Nếu sai lệch đến bốn mươi độ, bốn mươi lăm độ, đây là rất lớn. Một trăm tám mươi độ là hoàn toàn điên đảo. Giả sử chúng ta nói đến mười pháp giới, quý vị dùng tỷ dụ này [để so sánh] xác thực là chẳng khó lãnh hội! Trái nghịch Tánh Đức một trăm tám mươi độ thì Phật pháp nói đó là tội nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, và địa ngục A Tỳ, khi ấy, cảnh

giới được biến hiện là địa ngục A Tỳ; đây là [sai lệch] một trăm tám mươi độ. [Sai lệch] một trăm sáu mươi độ sẽ là cảnh giới giống như địa ngục. Quý vị cứ suy dần dần lên cao hơn, sẽ liễu giải trạng huống này. Trong tự tánh chẳng có điều này! “*Nhất thiết giai tận*” (Hết thảy đều tận): Hoàn toàn khôi phục Tánh Đức, đây chính là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Trụ trong Hoa Nghiêm.

Trong mười Tín vị (các địa vị thuộc về Thập Tín Bồ Tát), nói thật ra, rất tuyệt diệu. Hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín thật sự xả ly phiền não, đã thật sự xả ly, [nhưng là] xả ly ít phần. Phải biết điều này: Cái được xả ly chỉ là tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, tương đương với Sơ Quả của Tiểu Thừa, còn theo kinh Hoa Nghiêm trong Đại Thừa thì là Bồ Tát thuộc hạng địa vị Sơ Tín. Đây là đã thật sự xả ly phiền não. Nói cách khác, từ lục đạo phàm phu cho đến Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, và Vô Sắc Giới Thiên, chẳng xả ly! “*Chẳng xả ly*” có nghĩa là họ có năng lực không chế phiền não, tức là đối với hai đường trời người, họ sẽ có thể không chế được, chứ đối với A Tu La đạo, ngạ quỷ, địa ngục, và súc sanh thì chẳng thể không chế. Sự trái nghịch ấy quá to lớn! Đạt đến một nửa, chín mươi độ là một nửa, một nửa thì giống như là nhân đạo. Bảy mươi, tám mươi độ thì là thiên đạo.

Chúng tôi vừa mới nói đến sự xả ly của Tu Đà Hoàn. Nếu dùng cái hình tròn này để xem, [sẽ thấy] xả ly phiền não bèn dần dần tiếp cận tự tánh. Ở chỗ này, có mười địa vị, nếu chúng ta dùng hình vẽ để xét xem, [sẽ thấy] bắt đầu từ bốn mươi lăm độ, đã thật sự xả ly phiền não mãi cho đến khi bằng zero, sẽ là mười đoạn, mỗi đoạn là bốn độ rưỡi, dần dần tiến cao hơn. Phàm phu xả phiền não thì cũng có thể xả, nhưng chẳng phải là thật sự xả; hễ gặp duyên, các phiền não lại phát tác. Một người rất có tu dưỡng, mấy chục năm đều chẳng nổi giận; sự tu dưỡng ấy khá lắm, nhưng dưới một tình huống nào đó, người ấy sẽ phát tác. Đây là gì? Đây là xả, nhưng chẳng ly! Trong Phật pháp, trạng huống ấy được gọi là “*phục phiền não*” (伏煩惱, chế ngự phiền não), thông tình đạt lý, người ấy thông hiểu. Qua lại với người khác nói chung là phải học nhẫn nại, nhẫn nại thì sẽ có thể không chế tình tự của chính mình. Tuy chẳng buông xuống thất tình ngũ dục, nhưng ở trong hoàn cảnh thất tình ngũ dục, sẽ có thể đứng mức bèn dừng; đây là nhân đạo. Nho gia nói đến Lễ, Lễ có chừng mực, chớ nên bất cập, mà cũng chớ nên thái quá, tức là nó có tiêu chuẩn.

Chúng ta biết loài người có tiêu chuẩn của loài người, Dục Giới Thiên có tiêu chuẩn của Dục Giới Thiên. Do Dục Giới Thiên có sáu tầng, cho nên có sáu loại tiêu chuẩn khác nhau; càng lên cao hơn, [dục vọng sẽ] càng mỏng. Đến Sắc Giới Thiên, dục hoàn toàn bị chế phục, có thể nói là hoàn toàn chẳng khởi tác dụng. Điều gì chế phục [dục vọng]? Định Huệ. Người ấy có công phu định lực, có trí huệ; vì thế, chế phục [dục vọng, phiền não]. Các món Định ấy mãi cho đến Sắc Giới, cho đến Vô Sắc Giới, trong Phật pháp gọi chúng là Bát Định, tức Thiên Định thế gian. Giáo pháp Đại Thừa bảo Bát Định chẳng phải là Định thật sự. Vì sao? Các món Định ấy có thể mất đi, bị thoái chuyển, bị mất đi. Nếu đạt tới Bát Thoái Chuyển, sẽ chẳng bị mất; Định như vậy mới đáng kể, chẳng thuộc vào lục đạo, mà là vượt thoát lục đạo. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật có nói A La

Hán chứng đắc Cửu Thứ Đệ Định. Trong pháp thế gian có Tứ Thiên Bát Định, nếu lên cao hơn một tầng, sẽ là Đệ Cửu Định. Đệ Cửu Định đã vượt thoát lục đạo, chẳng bị thoái chuyển, chứ Bát Định chẳng đáng trông cậy, vì sẽ đều có thể lui sụt. Quý vị thấy chuyện này khó khăn lắm! Một kẻ đọa lạc trong lục đạo luân hồi mà mong vượt thoát, nói thật ra, đọa lạc dễ dàng, vượt thoát quá khó. Sắc Giới đọa lạc xuống Dục Giới dễ dàng, Dục Giới Thiên đọa lạc vào nhân đạo, đọa lạc vào thần đạo, Tu La đạo, hay La-sát đạo dễ dàng, tiến lên cao sẽ khó khăn. Đây là đạo lý nhất định, ai nấy đều lãnh hội dễ dàng! Biết những chân tướng sự thật ấy, mới biết đời nghiệp vãng sanh đáng quý!

Đời nghiệp vãng sanh thì chúng ta cũng phải buông xuống phiền não, buông xuống tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Nếu quý vị chẳng buông xuống những thứ ấy, chúng nó sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh! “*Đời nghiệp*” là gì? Nếu quý vị nghe hiểu lời tôi vừa mới nói thì quý vị sẽ minh bạch. Nay chúng ta buông xuống là không chế, há có phải là thật sự buông xuống! Giống như người tu Định, tu đến Đệ Bát Định thì vẫn là tạm thời không chế; vì sao? Người ấy có thể bị thoái chuyển, chẳng phải là thật sự đắc định. Nay chúng ta không chế tình tự và tập khí phiền não cũng giống như thế. Chúng ta dùng sức mạnh gì để không chế? Tín, Nguyện, Hạnh, chẳng phải là Định lực. Chúng ta tin tưởng sâu đậm, chẳng hoài nghi mảy may.

Chẳng đoạn nổi phiền não! Chỉ có thể chế phục, chẳng thể đoạn. Đoạn phiền não cần đến đại định, cần đến trí huệ chân thật; chúng ta chẳng có cách nào làm được chuyện này. Quý vị thấy Tu Đà Hoàn đã chẳng dễ dàng, ngay cả địa vị này chúng ta đều chẳng làm được. Tu Đà Hoàn có thể đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc; tuy chẳng lìa khỏi lục đạo, không gian sống của Ngài là cõi trời hoặc nhân gian. Bảy lần qua lại, Ngài sẽ thành tựu, có thể đoạn hết tám mươi một phẩm Tư Hoặc, vượt thoát lục đạo luân hồi. Bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian, quý vị thấy khó khăn lắm chứ, há chúng ta có năng lực ấy? Vì thế, tự mình mỗi ngày đều phải nghiêm túc phản tỉnh, kiểm thảo: “Thấy sắc nghe tiếng có còn động tâm hay chẳng? Có còn phân biệt, chấp trước hay không?” Tôi nói “*động tâm*” tức là quý vị có dậy lên thất tình ngũ dục hay không? Còn có những ý niệm ấy dậy lên, mất đi, quý vị biết là đoạn phiền não khó khăn lắm, chẳng dễ dàng như thế đó! Tập khí phiền não dấy động chính là cái nhân luân hồi, lục đạo luân hồi sanh từ chỗ này. Sáu căn thật sự tiếp xúc cảnh giới sáu trần, ý niệm thất tình ngũ dục chẳng nảy sanh, đây là A La Hán. Như vậy thì mới có thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, [bởi lẽ], đã đoạn cái nhân luân hồi!

Nay chúng ta gặp gỡ pháp môn này, đây là điều may mắn khôn sánh, phải nghiêm túc, phải có sự cảnh giác cao độ, chế phục tập khí phiền não, chẳng để cho chúng nó phát tác. Nếu quý vị hỏi tôi, dùng phương pháp nào là tốt nhất ư? Dùng cách quán tưởng nỗi khổ luân hồi, quán tưởng nỗi khổ trong địa ngục. Địa Ngục Biến Tướng Đồ được vẽ khá lắm, nay đã làm thành đĩa CD/DVD, đã có mấy loại ngôn ngữ phát âm. Tập khí phiền não nặng nề, đĩa CD/DVD ấy đại khái dài một tiếng đồng hồ, người tập khí phiền não nặng nề phải nên làm như thế nào? Mỗi tối xem một lượt, nhằm mục đích gì? Mục đích là khiến cho quý vị thời

thời khắc khắc có thể nghĩ đến nỗi khổ trong địa ngục, quý vị có sợ hãi hay không? Nếu quý vị sợ nỗi khổ trong địa ngục thì trong cuộc sống hằng ngày, khi ý niệm thất tình ngũ dục dấy lên, lập tức biết địa ngục là khổ, cái tâm của quý vị liền trong mát. Phương pháp này có thể giúp quý vị không chế, chế phục tập khí phiền não, hãy khéo dấy khởi một câu Phật hiệu. Những lời chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã nói câu nào cũng đều là chân thật. Nếu chúng ta chẳng thể vãng sanh trong đời này, quý vị hãy tự ngẫm xem, đời sau quý vị sẽ đến nơi đâu? Cơ hội đọa địa ngục tối thiểu là bảy, tám mươi phần trăm, cơ hội trong đời sau được sanh vào loài người chỉ sợ là mười hoặc hai mươi phần trăm, đều chẳng đáng trông cậy! Quý vị hãy nghĩ xem, chuyện này nghiêm trọng dường ấy! Bao nhiêu vị Bồ Tát mong nghe pháp môn này; pháp môn này là gì? Thành tựu trong một đời! Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn thành tựu trong một đời, hiếm có, khó gặp! Họ chẳng gặp gỡ, vậy là không có cách chi hết! Nay chúng ta gặp gỡ, đã gặp mà chẳng biết khéo nắm vững, khiến cho pháp môn này bị phí uổng trong đời này, quý vị nói xem, tội nghiệp của quý vị nặng lắm đấy!

Như thế nào thì mới chắc chắn vãng sanh ngay trong một đời này? Trong các buổi giảng, chúng tôi nói mỗi ngày, khuyên hằng ngày, câu khẩu đầu thiền của vị đường chủ Niệm Phật Đường là *“buông xuống thân, tâm, thế giới”*. Đây là tổng cương lĩnh. Thế nhưng chẳng cần bận lòng vì thân, tâm, thế giới trong hiện tại, hãy nhất tâm niệm Phật, chẳng có một ai không thành tựu. Vì thế, quý vị thấy người thật sự niệm Phật, tuyệt đại đa số là họ chuyện gì cũng chẳng quản, chuyện gì cũng đều chẳng hỏi tới, chuyện gì cũng đều chẳng chấp trước, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Thừa cùng chư vị, đây là bậc thượng thượng căn trong Tịnh Tông, mà cũng là người có phước báo thượng thượng! Vì sao nói người ấy có phước báo? Người ấy chẳng phải lo lắng về cuộc sống, có người cúng dường; đây là đại phước báo. Cuộc sống không nhất định phải rất tốt, mỗi ngày có thể ăn no, mặc ấm, chẳng đến nỗi bị đói khát, chẳng đến nỗi bị rét buốt, đây là đại phước báo! Người ấy có thể chuyện gì cũng đều chẳng hỏi đến, chuyện gì cũng đều buông xuống. Người có phước báo ấy có thể nắm vững cơ duyên này, ai nấy đều vãng sanh.

Như chúng ta, chúng ta hãy suy ngẫm chính mình chẳng có phước báo ấy! Chúng ta hằng ngày còn phải đi làm, chỉ dành huấn luyện trong công việc, huấn luyện trong cuộc sống. Huấn luyện chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, huấn luyện không dấy lên tham, sân, si, mạn, không dấy lên thất tình ngũ dục, chỉ dành dùng phương pháp này. Dùng đến mức công phu đặc lực, cũng phải mất một khoảng thời gian đáng kể để huấn luyện, chứ thời gian ngắn ngủi sẽ không được. Do đó, đây cũng chẳng phải là một chuyện dễ dàng! Vì sao? Thọ mạng của mỗi người khác nhau! Bao nhiêu người tu hành, công phu còn chưa đủ mức, thọ mạng đã đến rồi, vậy là chẳng có cách nào cả, theo nghiệp lưu chuyển, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, biến sự tu hành suốt một đời này thành phước đức!

Phước đức có thể đem theo, đời sau bất luận sanh trong đường nào, sanh trong loài người, hay trong súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo, cũng đều còn có phước báo. [Cây vào] phước báo sẽ chẳng thể liễu sanh tử, [cây vào] phước báo chẳng

thể vãng sanh. Chư vị phải biết điều này: Vãng sanh phải cậy vào công đức, chứ phước đức không được. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói hay lắm: “*Chuyện này phước chẳng thể cứu*”. “*Chuyện này*” chính là “*liễu sanh tử, thoát luân hồi*”, phước chẳng thể cứu! Ngoài địa ngục đạo ra, năm đường khác đều có phước. Trong thiên đạo, người có phước báo khá nhiều, quá nhiều. Phước báo trong nhân gian chẳng nhiều. Quý và súc sanh thì phước báo càng ít hơn loài người! Đây là đạo lý nhất định. Trong địa ngục đạo chẳng hưởng phước, chỉ có chịu tội, chẳng hề hưởng phước. Chúng ta chớ nên không hiểu rõ những chân tướng sự thật này, sau đây mới biết: Chúng ta mong vãng sanh, nhất định phải thường nghĩ đến nỗi khổ trong địa ngục.

Quý vị thấy pháp sư Oánh Kha đòi Tống, ba ngày ba đêm dưng mãnh tinh tân, niệm cảm A Di Đà Phật hiện đến. Quý vị phải hiểu, trong ba ngày ba đêm ấy, trong tâm Sư chỉ có Phật, đúng là “*thân, tâm, thể giới, hết thảy buông xuống*”, cảm ứng bèn hiện tiền! Vị này thật sự vãng sanh, chẳng giả. Chúng ta có thể phát khởi cái tâm dưng mãnh ấy hay chẳng? Ba ngày ba đêm chẳng ngủ, niệm Phật không ngớt. Đây là có thể phát ra cái tâm dưng mãnh. Suốt ba ngày ba đêm có thể buông xuống hết thảy thân, tâm, thể giới, cái tâm ấy chẳng dễ dàng! Quý vị hãy niệm ba ngày ba đêm thử xem A Di Đà Phật có đến hay chẳng? Nói thật thà, quý vị niệm ba mươi ngày ba mươi đêm, A Di Đà Phật cũng chẳng đến, do nguyên nhân gì vậy? Chẳng hề buông xuống thân, tâm, thể giới! Sau đây, quý vị mới biết pháp sư Oánh Kha đáng quý ở chỗ nào, quý vị liền hiểu rõ. Điều đáng quý là đã buông xuống được!

Chúng ta rất phiền toái, cái này cũng mong muốn, cái kia cũng mong tưởng, cái này cũng chẳng thể bỏ được, cái kia cũng chẳng buông nổi. Đến cuối cùng, nhất định là vẫn phải tiếp tục luân hồi trong lục đạo, cơ duyên của thế giới Cực Lạc trôi qua trước mặt quý vị mà chẳng nắm lấy! Giống như lái xe về thế giới Cực Lạc, quý vị cứ đứng bên cạnh, chẳng chịu lên xe. Vì sao không chịu lên xe? Chẳng bỏ được nhà cửa ở nơi đây, cho nên không chịu đi! Xe lái đi rồi, lại đợi đến lần sau, e rằng suốt đời này chẳng gặp được cơ hội ấy nữa đâu! Do đó, chúng ta đừng nên không coi trọng xả ly phiền não. Đó gọi là tu hành thật sự, chẳng phải là làm theo hình thức. Hình thức sẽ vô dụng, phải tu hành chân thật!

Chúng ta có thể mở rộng ý nghĩa “*thịnh thử viêm độc*” (nặng gắt, nóng độc) thành hết thảy nghịch cảnh, không thuận tâm, chẳng như ý, hoặc là hết thảy những giai đoạn gian nan, khốn khổ, đều [cảm nhận chúng là] tương tự với điều này (“*thịnh thử viêm độc*”), đều phải nên cảnh giác. Phải buông xuống, chẳng có gì không buông xuống được. Vì sao? Giả trá, chẳng thật! “*Pháp thượng ung xả, hà hướng phi pháp*” (Pháp còn có thể bỏ, hướng hồ phi pháp). Đức Phật dạy các đệ tử, Phật pháp được gọi là Pháp Bảo, Pháp Bảo mà còn phải buông xuống. Vì sao? Pháp sanh từ nhân duyên. Hễ là do nhân duyên sanh, sẽ chẳng thật. Phàm những thứ do nhân duyên sanh đều là pháp sanh diệt. Quý vị có thể sử dụng nó, chớ nên chiếm hữu nó. Nó có thể giúp đỡ quý vị, thành tựu quý vị. Nếu quý vị muốn không chế, chiếm hữu nó, quý vị đã sai mất rồi, sẽ ngay lập tức đọa lạc. Đây là đức Thế Tôn đã nói đến chỗ tột cùng. Phật pháp mà còn là như thế, huống

hồ pháp thế gian? Quý vị hãy ngẫm xem, thứ gì là của quý vị? Thứ gì quý vị có thể vĩnh viễn gìn giữ? Kể cả thân thể đi nữa!

Thân thể chẳng thể giữ gìn được! Kể trẻ tuổi chẳng cảm nhận, chứ người từ năm, sáu chục tuổi trở lên, sẽ dần dần giác ngộ. Đạt đến mức giác ngộ rõ rệt là từ bảy mươi tuổi trở lên, nhân sanh thất thập cổ lai hy! Lúc bảy mươi tuổi, quý vị lại suy nghĩ, những người thuộc lứa tuổi xấp xỉ quý vị, những thân thích, bằng hữu, bạn học, đồng nghiệp kém quý vị một, hai tuổi, còn có mấy người đang sống? Khi ấy, quý vị chỉ suy tưởng, sẽ dấy lên nỗi cảm thương, sáu, bảy phần mười [những người xấp xỉ tuổi mình] đều chẳng còn nữa! Tháng Tư năm nay, tôi tham gia Luận Đàn Phật Giáo Thế Giới tại Hàng Châu, sau khi luận đàn kết thúc, tiện dịp đến chỗ từng đi học thuở bé tại Nam Kinh, tìm những bạn học cùng lớp thuở ấy. Bạn học cùng lớp thuở ấy hơn một trăm người, bốn lớp cùng cấp gần hai trăm người. Trở về kêu gọi, chỉ có mười người [tham dự], đại khái còn có mười mấy người chẳng sống tại Nam Kinh mà sống ở nơi khác. Lẽ nào [chuyện này] chẳng khiến mọi người cảm thương ư?

Tính ra, tôi đã rời khỏi nhà trường sáu mươi hai năm, người Hoa nói là “*một giáp*”. Do điều này, thật sự thấu hiểu thế gian vô thường; đến tuổi ấy, quý vị mới sẽ cảm thương. Nhưng nói theo ngôn ngữ, chuyện phiền toái nhất lúc tuổi tác đã cao là “lo được, lo mất”. Tuổi đã già, thể lực đã suy, cuộc sống mai sau phải dựa vào ai? Vì thế, ý niệm “được, mất” của người già rất nặng, đây là quan niệm sai lầm. Hãy nghĩ đến những người đã khuất, những bạn học, bạn bè, thân bằng hảo hữu đã khuất núi trước lúc bảy mươi tuổi, quý vị hãy nghĩ xem, họ mang theo được gì? Thứ gì cũng đều chẳng mang theo được! Mong rằng quý vị hãy giác ngộ trong cảnh giới này! Nguyên lai là một món cũng chẳng đem theo được, có sao không buông xuống?

Buông xuống thì quan trọng nhất là buông xuống trong tâm. Trong tâm chớ nên có những thứ ấy, trong tâm có gì? Trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật là đủ rồi, những thứ khác đều chẳng cần! Giống như vị đồ đệ làm thợ vá nồi của lão hòa thượng Đệ Nhàn, chỉ một câu “*nam-mô A Di Đà Phật*” sáu chữ, những thứ chi khác đều chẳng có, người ta [niệm Phật] ba năm bèn đứng vãng sanh. Lão hòa thượng Đệ Nhàn tôn kính Sư, tán thán Sư khôn sánh, Sư đã thành công. Sư không biết chữ, chưa từng đi học, kỹ thuật lần nặn lực đều chẳng có, chỉ học vá nồi, vá chén, cuộc sống khôn khổ nhất. Do suy ngẫm đời người quá khổ, vì vậy, dấy lòng thoát khổ thiết tha, [lại tự biết] chính mình năng lực gì cũng đều chẳng có, là người khổ sở cùng cực! Chẳng ngờ Sư gặp được cái duyên này, bèn có thành tựu cực đại; tức là Sư đã nắm thật chặt cái duyên ấy, chẳng rời lỏng một khắc nào. Lão hòa thượng dạy Sư một phương pháp đơn giản, [Sư bèn] y giáo phụng hành, ba năm giống hệt như một ngày. Niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoản rồi lại niệm tiếp, chẳng phân biệt ngày hay đêm, suốt ngày từ sáng đến tối là một câu Phật hiệu.

Thời kỳ Mạt Pháp, trong thế gian động loạn hiện thời, đây là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, thật sự là “*lià khổ, được vui*”. “*Lià khổ, được vui*” là quả báo, cái nhân là phá mê khai ngộ. Quý vị hãy ngẫm xem, người thợ vá nồi có phải

là phá mê khai ngộ hay không? Đúng thế! Mê là gì? Mê là ngũ dục lục trần, Sư thầy đều buông xuống, thứ gì cũng đều chẳng nghĩ tới. Ngộ là gì? Một câu A Di Đà Phật có thể vãng sanh. Khi đó, Sư chẳng biết vãng sanh, lão hòa thượng Đệ Nhàn chẳng nói với Sư, chỉ bảo Sư [hãy gắng công niệm Phật], trong tương lai chắc chắn có lợi ích. Sư là người thật thà, tin tưởng lời thầy, nhưng chẳng biết lợi ích chi hết. Thật sự niệm đến mức công phu thành phiến, tức là niệm đến mức chẳng có vọng tưởng, bèn cảm ứng. “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, Sư biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, đứng vãng sanh. Chuyện này chẳng có chi khác, ở đây nói là “*xả ly chúng nã, nhất thiết giai tận*” (bỏ lìa các phiền não, hết thầy đều tận), Sư đã làm được. Bài kệ kế tiếp:

***(Kinh) Thử thoái lương sơ, đương nguyện chúng sanh, chứng vô thượng pháp, cứu cánh thanh lương.***

***(經) 暑退涼初。當願眾生。證無上法。究竟清涼。***

***(Kinh: Hết nóng, chớm mát, nguyện cho chúng sanh, chứng pháp vô thượng, rốt ráo thanh lương).***

Khí nóng đã tiêu mất, tiết trời hơi mát mẻ hơn một chút. Tuy đức Phật ở chỗ thuộc vùng nhiệt đới, chẳng có bốn mùa, nhưng tuy là nhiệt đới, mỗi năm cũng có một tuần nóng nhất, và cũng có một tuần mát mẻ nhất. Tương đối mát mẻ thì đại khái cũng là hai mươi một, hai mươi hai độ. Khi nắng gắt, có thể gần như có lúc ba mươi bốn, ba mươi lăm độ. Thông thường là trên dưới ba mươi độ! Nhằm lúc trời đổ mưa (mùa mưa), so ra mát mẻ hơn một chút, nhưng vẫn là hơn hai mươi độ, chẳng thể nào dưới hai mươi độ. Dẫn phát đại nguyện, “*đương nguyện chúng sanh, chứng vô thượng pháp, cứu cánh thanh lương*” (nguyện cho chúng sanh, chứng pháp vô thượng, rốt ráo thanh lương). “*Thanh lương*” ở đây hẳn đạt được sẽ là vĩnh viễn, chẳng biến mất, là thanh lương rốt ráo.

Nay bày ra trước mặt chúng ta, kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta, có thể nói Hoa Nghiêm toàn là trí huệ. Trí huệ viên mãn rốt ráo vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng đến từ bên ngoài. Vì thế, nó là bình đẳng, hết thầy chúng sanh thầy đều có; chỉ là hiện thời quý vị đã mê mất. Hiện thời quý vị vô duyên có sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên chẳng thể chứng đắc. Vặn vẹo Nhất Chân pháp giới, biến nó thành lục đạo tam đồ, chịu tội trong ấy. Phải hiểu rõ, phải minh bạch lý, sự, và cảnh giới ấy. “*Vô thượng pháp*” là Phật Quả rốt ráo, chẳng phải là Phật trong mười pháp giới. Phật trong mười pháp giới chẳng thể nói là Vô Thượng, chỉ có thể nói là Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng thể gọi là Vô Thượng. Thoát ly mười pháp giới, trở về tự tánh, Thiên Tông nói là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Đó là pháp vô thượng, đó là rốt ráo thanh lương.

Hiện thời, ở đây chúng ta đang nói về các vị Bồ Tát thuộc mười Tín vị. Viên mãn tâm Thập Tín sẽ thoát khỏi mười pháp giới, chứng nhập Nhất Chân pháp giới, đây chính là pháp vô thượng. Chúng ta cũng học tập kinh này một khoảng thời gian khá dài, đại khái đã hiểu phần nào về trạng huống, nhưng ngẫm

ra, đúng là khó hành. Cảnh giới của chúng ta trong hiện thời là gì? “*Biết dễ, hành khó*”, [tức là] nghe kinh dễ dàng, muốn làm thì đúng là chẳng dễ dàng. Vấn đề ở chỗ nào? Tập khí phiền não quá nặng! Biết là phải nên quay đầu, nhưng quay về chẳng được! May mắn gặp gỡ pháp môn này, kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng cũng nêu ra pháp môn này. Pháp môn này được gọi là “*phổ độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, thấu nhiếp toàn bộ lợi căn lẫn độn căn*”, chỉ cần quý vị gặp gỡ! Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh viên mãn. Quý vị thấy cảnh giới thù thắng như thế, trang nghiêm dường ấy, là đại pháp hội mà thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng sánh bằng.

Vì thế, vào năm thầy Lý vãng sanh, tôi buông kinh Hoa Nghiêm xuống. Tốc độ giảng khi đó nhanh hơn hiện thời, gần như là đã giảng được khoảng một nửa. Vì sau khi thầy đã vãng sanh, chúng tôi mới lại đem kinh Vô Lượng Thọ ra. Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm, suốt đời này tôi giảng Trung Bản Hoa Nghiêm là được rồi, chẳng cần giảng Đại Hoa Nghiêm. Đại Hoa Nghiêm là do quán trưởng Hàn Anh vài hôm trước khi bà ta vãng sanh đã thỉnh cầu lần nữa, tôi nhận lời. Bà ta cũng là một bầu bi tâm, hy vọng lưu lại băng thâu hình để cho người đời sau tham khảo, cũng là một phen hảo ý. Vì thế, chúng tôi giảng kinh này, từng chữ, từng câu đều chỉ quy Tịnh Độ. Nay đã hết thời gian rồi, hãy nghỉ ngơi mấy phút.

\*\*\*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem đoạn lớn thứ chín tiếp theo. Đoạn thứ chín có tất cả mười bài kệ. [Phần này được ngài Thanh Lương giảng là] “*tập tụng toàn lễ thời hữu thập nguyện*” (習誦旋禮時有十願, khi học tập, tụng đọc, kinh hành, lễ bái, có mười nguyện). “*Tập*” (習) là học tập. Trong Phật pháp, quan trọng nhất là phải nghiêm túc học tập; vì thế, xếp Tập đầu tiên. “*Tụng*” (誦) là đọc tụng. Quý vị thấy câu đầu tiên trong bộ Luận Ngữ của Nho gia là “*học nhi thời tập chi*” (học rồi thường xuyên luyện tập), đã học rồi quý vị phải làm được! Trong Phật pháp, Tập được xếp hàng đầu, Tụng là học, được xếp vào thứ hai. Đây là đặc biệt nhấn mạnh thật sự tu, thật sự làm. Đây là điều đầu tiên, đọc tụng vẫn phải xếp sau đó. Đọc tụng là thường xuyên ôn tập, đúng là “*ôn cố nhi tri tân*” (ôn lại cái cũ để biết cái mới), chớ nên tác ý, chớ nên dụng tâm học tập, chẳng cần! Chỉ là niệm hằng ngày, làm mỗi ngày, sẽ tự có ngộ xứ. Khai ngộ là từ chỗ này mà có, tâm càng thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. “*Học tập*” là từ ngay trong cuộc sống hằng ngày mà học tập giáo huấn của Phật, Bồ Tát, hằng ngày đọc tụng. “*Toàn*” (旋) là đi giáp vòng, tức là “*kinh hành*” (經行) như chúng ta thường nói, chúng ta gọi là “*niều Phật*” hoặc “*kinh hành*”. “*Lễ*” (禮) là lễ bái. Vì thế, bốn chữ này bao gồm bốn ý nghĩa, quan trọng nhất là phải thực hiện trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự, đối người, tiếp vật. Chúng ta xem kinh văn:



**(Kinh) Phúng tụng kinh thời, đương nguyện chúng sanh, thuận Phật sở thuyết, tổng trì bất vong.**

**(經)諷誦經時。當願眾生。順佛所說。總持不忘。**

**(Kinh: Khi phúng tụng kinh, nguyện cho chúng sanh, vâng lời Phật dạy, tổng trì chẳng quên).**

Bài kệ này có ý nghĩa hay lắm. Phúng tụng (諷誦) là lã tụng (朗誦), tức là đọc ra tiếng, tức là khi tụng kinh. Thông thường, trong công khóa sáng tối, chúng ta đều phải đọc tụng kinh văn. Đối trước kinh bản thì là Đọc (讀), chẳng cần kinh bản thì là Tụng (誦). Tụng là đọc thuộc lòng. Quý vị có thể ghi nhớ, có thể nhớ nằm lòng, chẳng cần dùng kinh bản thì là Tụng. Nhất định phải hiểu ý nghĩa của khóa tụng sáng tối, đây là tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, niệm niệm chẳng quên. Dầu đã thuộc nhuần như, sáng tối vẫn phải “*phúng tụng*”. Trong Phật đường có thờ phụng hình tượng Phật, Bồ Tát, giống như Phật, Bồ Tát đang ở trước mặt, hãy dùng cái tâm chân thành, cung kính như thế để tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Quý vị thấy mỗi bộ kinh, đến cuối cùng đều là câu “*tín thọ phụng hành, tác lễ nhi khứ*” (tin, nhận, vâng làm, làm lễ lui ra); câu này hết sức quan trọng. Sau khi nghe giáo huấn của Phật, Bồ Tát, có thật sự tin tưởng hay chẳng? Có thật sự tiếp nhận hay chẳng? Tin tưởng chân thành chẳng nghi ngờ, chẳng hoài nghi mảy may, y giáo phụng hành, chính là “*thuận Phật sở thuyết*” như đang được nói ở đây, tức là y giáo phụng hành. Tùy thuận lời đức Phật đã dạy thì phải làm được, biến những điều đức Phật đã nói thành kiến giải và tư duy của bản thân chúng ta, biến thành hành vi sinh hoạt của chính mình. Đây gọi là “*học Phật*”.

“*Tổng trì bất vong*”: “*Tổng trì*” (總持) là nắm được cương lĩnh và nguyên tắc trong giáo huấn của đức Phật. Chi tiết thì quá nhiều, quan trọng nhất là nắm được cương lĩnh, quyết định chẳng trái nghịch. Cương lĩnh của Giải môn là đối với chân tướng của muôn sự muôn vật trong vũ trụ, kinh Bát Nhã đã nói rất hay: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Đây là tổng cương lĩnh, quý vị phải nắm vững. Trong cuộc sống hằng ngày, gặp lúc tập khí phiền não dậy lên hiện hành, quý vị có thể nghiền ngẫm hai câu này một phen, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, quý vị sẽ có thể buông xuống, chẳng còn chấp trước, chẳng còn phiền não nữa. Vì sao? Chúng chẳng thật! Nói cách khác, nó giúp quý vị thấy thấu suốt: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”, còn có thể chẳng buông xuống ư?

Phương hướng, mục tiêu chỉ đạo sự tu hành của chúng ta là “*giác, chánh, tịnh*”, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm. Đây là Tam Quy. Niệm nào cũng đều chuyển mê thành giác, chuyển tà thành chánh, chuyển nhiễm thành tịnh. “*Giác, chánh, tịnh*” viên mãn thì là Vô Thượng Bồ Đề, là Phật quả rốt ráo. Đã giác ngộ, biết chuyển, đang chuyển, nhưng còn chưa đạt tới viên mãn rốt ráo, người ấy là Bồ Tát. Từ sơ phát tâm đến Đăng Giác, năm mươi một tầng cấp đều gọi là Bồ Tát. Nếu vẫn là “*mê, tà, nhiễm*”, tuy thọ Tam

Quy Ngũ Giới, cho đến đã xuất gia, đã thọ tam đàn đại giới, hằng ngày trên hình thức đều làm được, trong thực tế là ích kỷ, thị phi, nhân ngã, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn thấy đều chẳng buông xuống; đây là giả trá, chẳng thật! Mười sáu chữ ấy là cái tâm luân hồi. Tâm luân hồi học Phật thì cũng là nghiệp luân hồi, vẫn chẳng thoát khỏi luân hồi. Ở chỗ này phải chú ý, nếu muốn thoát luân hồi, phải dấy lên tâm Bồ Đề, phải buông xuống cái tâm luân hồi. Tâm luân hồi là tham, sân, si, mạn. Chẳng buông xuống những thứ ấy, sẽ không thoát khỏi luân hồi. Để thành tựu trong một đời, chắc chắn là phải cạy vào sáu chữ hồng danh, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian thấy đều phải xả ly, nhất tâm nhất ý chuyên niệm Di Đà, chuyên tu Tịnh Độ, tổng trì chẳng quên, chẳng có ai không thành tựu!

Thời kỳ Mạt Pháp, trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã nói rất rõ ràng. Đức Phật dạy pháp vận của Ngài có ba giai đoạn: Chánh Pháp, Tượng Pháp, và Mạt Pháp. Chánh Pháp, giới luật thành tựu; Tượng Pháp, Thiên Định thành tựu; Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu. Nay chúng ta đang sống trong thời đại Mạt Pháp, Chánh Pháp của đức Thế Tôn là một ngàn năm. Thời đại Chánh Pháp thì trì giới, giới luật thanh tịnh sẽ có thể chứng quả, có thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Nói đến thành tựu, nếu chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng coi là thành tựu. Thời kỳ Tượng Pháp là một ngàn năm thứ hai, căn tánh của chúng sanh chẳng sánh bằng người thuở trước. Nói thật ra là như ngạn ngữ nói: “*Đời sau chẳng bằng đời trước*”. Lời này là thật, chẳng giả tí nào! Phong khí cõi đời ngày một đi xuống. Phật pháp truyền sang Trung Hoa nhằm thời đại Tượng Pháp, [tức là] nhằm thời Minh Đế nhà Hán của Trung Hoa. Vào năm Vĩnh Bình thứ mười đời [Hán] Minh Đế, tức năm sáu mươi bảy Công Nguyên, Phật pháp chánh thức truyền đến Trung Hoa, do đế vương, đại thần cung kính lễ thỉnh, nghênh thỉnh, truyền vào Trung Hoa đã hai ngàn năm. Do nhằm thời kỳ Tượng Pháp, Thiên trong Phật giáo Trung Hoa là điểm đặc sắc, vì là Tượng Pháp, đây chính là như kinh Đại Tập đã dạy, Thiên phong ở Trung Hoa phát triển đến mức đăng phong tạo cực. Mạt Pháp là một vạn năm, căn tánh con người càng kém cỏi. Đây là nói trong ba thời kỳ, thời Mạt Pháp thì Tịnh Độ thành tựu.

Trong kinh Bát Nhã cũng có cách nói “*năm lần năm trăm năm*”, năm lần năm trăm năm là hai ngàn năm trăm năm. [Những điều ấy] đều trở thành hiện thực. Những lời ấy nếu nói theo cách hiện thời, sẽ là lời tiên đoán của Thích Ca Mâu Ni Phật, đều đã trở thành hiện thực. Theo cách nói “*năm lần năm trăm năm*”, năm trăm năm đầu tiên chính là năm trăm năm sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, là thời giải thoát kiên cố. Năm trăm năm thứ hai là Thiên Định kiên cố. Năm trăm năm thứ ba là đa văn kiên cố. Quý vị thấy khi Phật pháp truyền đến Trung Hoa, nhằm thời đại Tùy - Đường, các vị cao tăng đại đức mỗi vị lập tông, lập phái. Vì thế, Phật pháp diễn biến thành mười tông phái, Tiểu Thừa gồm hai tông, Đại Thừa là tám tông, đa văn kiên cố đây nhé! Phong khí nghiên cứu kinh giáo hết sức lưu hành, chú sớ phong phú.

Trong Phật pháp, tạo luận thì luận là do các vị Bồ Tát, tổ sư đại đức soạn ra, tác phẩm của các Ngài được gọi là luận. Luận chia thành hai loại lớn:

1) Một loại là thích kinh luận (釋經論) nhằm giải thích kinh. Như bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao của Thanh Lương đại sư là thích kinh luận, nương theo từng câu trong kinh văn để giải thích. Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận của Lý Trường Giả vẫn coi như là thích kinh luận, tuy chẳng phải là giải thích từng câu một, nhưng giải thích từng đoạn thì vẫn thuộc loại thích kinh luận.

2) Một loại khác là tông kinh luận (宗經論), hoàn toàn lìa khỏi kinh văn, thảo luận những ý nghĩa chánh yếu của kinh điển thì gọi là tông kinh luận. Chẳng hạn như Du Già Sư Địa Luận thuộc loại tông kinh luận, Đại Thừa Khởi Tín Luận thuộc loại tông kinh luận. Nó chẳng giảng giải một bộ kinh nào. Kinh Đại Bát Nhã có Đại Trí Độ Luận, Đại Trí Độ Luận nhằm giải thích kinh Đại Bát Nhã, thuộc loại thích kinh luận. Chú sớ của tổ sư đại đức được chia thành hai loại lớn ấy. Đa văn kiên cố là năm trăm năm thứ ba.

Năm trăm năm thứ tư, người nghiên cứu chẳng nhiều, chú trọng điều gì? Chú trọng cất chùa, [đó là thời kỳ] tháp miếu kiên cố. Nay chúng ta nói là chú trọng thiết lập “phần cứng”, tháp miếu kiên cố mà! Năm trăm năm thứ năm là nói đến chúng ta trong hiện tại, hiện thời là năm trăm năm thứ năm, được gọi là “đấu tranh kiên cố”. Quý vị thấy đức Phật đã nói về hai ngàn năm trăm năm như thế đó, tức là nói sau khi lão nhân gia diệt độ, cứ năm trăm năm là một giai đoạn, Ngài nói đến năm lần năm trăm năm. Nhìn theo năm lần năm trăm năm, vẫn là mỗi thế hệ sau đều chẳng bằng thế hệ trước.

Trong hai giai đoạn đầu tiên là giải thoát kiên cố và Thiên Định kiên cố, chú trọng thật sự hành; về sau, dần dần sơ sót chuyện thật sự hành. Đa văn kiên cố là coi Phật pháp như một môn học vấn, tức là cái được gọi là “Phật học” trong hiện thời. Thật sự hành là học Phật, phải thật sự đoạn phiền não, phải thật sự trừ tập khí, phải thật sự minh tâm kiến tánh, những điều này đều thuộc loại thật sự hành. Coi Phật giáo như học vấn để nghiên cứu, hằng ngày nghiên cứu, thảo luận, giảng giải, nói đến nổi hoa trời rơi tán loạn, hoàn toàn chẳng liên quan gì đến cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật của chính mình! Nói một đàng, làm một nẻo, kẻ thành tựu hiếm hoi lắm! Giống như trong quá khứ, lão pháp sư Đàm Hư thường nói, vào thời đại của Ngài, người tham Thiên trong Phật môn đắc Thiên Định thì đã Ngài đã từng thấy, hoặc nghe nói cũng chẳng ít, nhưng chẳng có ai khai ngộ. Bậc minh tâm kiến tánh chưa thấy một ai, mà cũng chưa hề nghe nói đến! Nghiên cứu kinh giáo, đại khai viên giải chưa hề nghe nói có ai! Người tiểu ngộ chẳng ít, đại ngộ chẳng nhiều, triệt ngộ cũng chẳng có một ai! Tông Môn, Giáo Hạ thua kém xưa kia. Thời đại Tùy - Đường, người khai ngộ trong Tông Môn chẳng ít, người đại khai viên giải trong Giáo Hạ chẳng ít; về sau thì mỗi đời sau lại kém hơn đời trước!

Dựng chùa, vào thời đại Lương Vũ Đế, ông ta là một vị hộ pháp tốt trong Phật môn, đã vì Phật giáo mà tạo dựng bốn trăm tám mươi đạo tràng, đều có quy mô đáng kể, chiếu có mười mấy vạn đệ tử xuất gia trong Phật môn. [Nhà vua] tu phước rất lớn, chẳng khai ngộ, đây là điển hình của tháp tự kiên cố. Ngay trong thời ấy, Đạt Ma tổ sư đến Trung Hoa, cũng từng gặp Lương Vũ Đế, nhưng chẳng hợp ý cho lắm, chẳng có duyên! Lương Vũ Đế nghe nói có một vị cao tăng đại

đức từ Ấn Độ đến, nhà vua là một đệ tử Phật kiên thành, lẽ nào chẳng cung kính nghênh tiếp, đãi đằng? Trong khi tiếp đãi, Lương Vũ Đế bèn khoe chính mình đã làm rất nhiều chuyện tốt đẹp trong Phật môn, hỏi Đạt Ma tổ sư: “Những gì ta đã làm trong suốt một đời có công đức to lớn hay chẳng?” Hoặc là công đức to cỡ nào? Nhà vua hướng về Đạt Ma tổ sư thỉnh giáo. Đạt Ma tổ sư chẳng vọng ngữ, thật thà bảo nhà vua, “*hoàn toàn chẳng có công đức*”. Sau khi đã thốt ra câu ấy, đúng là đã tổn thương tấm lòng của Lương Vũ Đế, suốt đời đã vì Phật môn làm nhiều chuyện ngàn ấy, trọn chẳng có công đức! Tâm nhà vua khó chịu, bởi lẽ, ăn nói chẳng hợp ý. Đạt Ma tổ sư cũng thấy Lương Vũ Đế chẳng có duyên, liền rời đi, đến nhìn vách (diện bích) tại chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn, tức là ngôi tu hành ở đó. Đời suốt chín năm, cũng là thời gian rất dài, mới có Huệ Khả xuất hiện, vị này là tổ sư đời thứ hai của Thiền Tông.

Lương Vũ Đế đã làm nhiều chuyện ngàn ấy, rốt cuộc là gì? Chúng ta phải biết điều này, đó là phước đức, chẳng phải là công đức. Phải phân định rõ ràng phước đức và công đức; những gì nhà vua đã tu là phước báo đời đời kiếp kiếp trong tương lai, đúng như chúng ta thường nói là “*phước báo bất tận*”. Phước báo quá to, nhưng chẳng phải là công đức. Vì thế, trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói rất hay: “*Chuyện này phước chẳng thể cứu*”. Phước đức dẫu to đến mấy đi nữa, chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát tam giới. Nói cách khác, phước báo dẫu lớn cách mấy, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Phước báo quá lớn, trong nhân gian chẳng có phước báo lớn dường ấy, vậy là quý vị sanh lên trời. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, ngũ dục chẳng đoạn, sẽ sanh vào Dục Giới Thiên, Tứ Vương Thiên, Đạo Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, trên đó còn có Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, toàn là Dục Giới Thiên. Quý vị đến những chỗ ấy để hưởng phước. Hưởng hết phước trời thì còn có phước thừa, do phước thừa bèn trở lại nhân gian để hưởng. Phước báo mà! Chẳng thể liễu sanh tử.

Muốn liễu sanh tử, thoát tam giới, thì phải là công đức. “*Công*” (功) là công phu, quý vị thật sự đổ công dốc sức, quý vị sẽ có thu hoạch, đó là “*đức*” (德). Chẳng hạn như trì giới có công, [tức là] công phu trì giới, do vì trì giới, nghiêm trì cấm giới thì tâm quý vị thanh tịnh, đấy là đức. Tâm thanh tịnh do đâu mà có? Nghiêm trì giới luật, do đó nói: “*Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ*”. Trì giới có thể đắc Định, Giới là công, Định là đức. Tu Định có thể khai Huệ. Định là công, Huệ là đức. Huệ có thể phá tập khí vô minh, Huệ là công, phá tập khí vô minh là đức; đấy là công đức. Do vậy, công đức và phước đức khác nhau, nhất định phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch. Ngàn muôn phần chớ nên coi tu một chút cúng dường trong chùa miếu là công đức; [nếu hiểu như vậy] thì sai mất rồi, nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch điều này.

Có cần phải tu phước đức hay không? Phước đức cũng phải tu. Quý vị thấy trong kinh luận, đức Phật thường dạy “*phước huệ song tu*”, thậm chí còn đặt tu phước trước tu huệ. Điều này hữu lý. Nếu quý vị chẳng có phước báo, mong tu Huệ sẽ hết sức khó khăn, vì sao? Nếu quý vị ba bữa cơm đều ăn chẳng no, còn nói gì đến chuyện tu hành nữa? Vì thế, nhà Phật mới nói: “*Pháp luân vị chuyển, thực luân tiên*” (Pháp luân chưa chuyển, đã phải lo cái ăn trước). Nếu quý vị

muốn học Phật, trì giới cũng thế, tụng kinh cũng thế, tham Thiền cũng thế, niệm Phật cũng thế; trước hết phải ăn no. Ăn chẳng no, chuyện gì cũng đều chẳng thể làm thành công! Do vậy, đức Phật trọn chẳng phản đối tu phước. Tu phước thì phải ghi nhớ, quyết chớ nên tham luyến phước báo. Hễ tham luyến phước báo là hỏng, sẽ đọa lạc, sẽ chẳng khai trí huệ. Vì thế, chúng ta cũng thấy tu hành chẳng hoàn toàn như pháp, đó là gì? Chẳng hiểu giáo lý. Trì giới rất nghiêm, giới luật rất thanh tịnh, rất nghiêm ngặt, nhưng cái tâm phân biệt, chấp trước rất nặng, tự cho mình là đúng, thấy người khác phá giới bèn khinh mạn, coi thường kẻ khác, đó là sai mất rồi! Dẫu giới luật nghiêm ngặt cách mấy, kẻ ấy chẳng đạt được tâm thanh tịnh. Tu giới kiểu ấy có công hay không? Chẳng có công. “Chẳng có công” thì tính là gì? Tính là phước. Người ấy trì giới là phước đức, chẳng phải là công đức. Trì giới phải đạt được cái tâm thanh tịnh, trì giới như vậy mới là công đức. Các đồng tu học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, đều chớ nên không biết. Hãy ghi nhớ một câu trong Đàn Kinh: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Dẫu trì giới luật tốt đẹp cách mấy, kẻ khác phá giới cũng thế, mà phạm giới cũng thế, trọn chẳng ghim trong lòng. Đây là đúng, đây là công đức.

Vì thế phải hiểu, đức Phật dạy trì giới là dạy bản thân ta trì giới, chẳng nhằm dạy ai khác. Người khác cũng là hàng xuất gia, ta chẳng cần biết người khác là xuất gia hay tại gia, ta học Phật, Phật dạy ta, Phật chẳng dạy người khác. Đây là biết cách học Phật! Ngay cả Đệ Tử Quy cũng nói: “*Phàm là người, đều phải yêu*”. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta: “*Phàm là người, đều phải kính*”. Câu này do đâu mà có? Nói thật ra, nguyên thứ nhất trong mười đại nguyện vương là “*lễ kính chư Phật*”; trong “*chư Phật*” có vị lai Phật, vị lai Phật là hết thấy chúng sanh. Thử hỏi kẻ phá giới có phải là chúng sanh hay không? Kẻ phạm giới có phải là chúng sanh hay không? Phải! Họ là chúng sanh, họ là vị lai Phật. Kẻ phạm giới trong hiện tại, tương lai đương nhiên là phải đọa trong tam đồ, chịu quả báo, nhưng kẻ ấy có Phật tánh, kẻ ấy vốn là Phật. Do đó, phạm là người thì đều phải lễ kính.

Kinh Hoa Nghiêm nói càng viên mãn hơn: “*Tình và vô tình, cùng viên thành Chung Trí*”, tức là trong tâm mục của người thật sự tu hành, không chỉ hữu tình chúng sanh là Phật, Bồ Tát, hãy nên bình đẳng lễ kính, mà hoa cỏ cây cối cũng là Phật, Bồ Tát. Cho đến núi, sông, đại địa, bụi, cát, hòn đá đều có Pháp Tánh. Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh, vậy thì lẽ nào chẳng phải là Phật, Bồ Tát? Đây là “*tình và vô tình, cùng viên thành Chung Trí*”. Vì thế, người thật sự tu hành xác thực sống trong Pháp Tánh, sống trong pháp giới, vĩnh viễn là lễ kính, tán thán, cúng dường, cảm ơn. Đây là người thật sự tu hành. Thấy cái này hoan hỷ, thấy cái kia đáng ghét, đó chẳng phải là người tu hành, mà là kẻ vẫn sẽ luân hồi trong lục đạo. Trước kia, chúng ta không hiểu đạo lý này, nay đã hiểu rõ; sau khi đã hiểu rõ, trong cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, có sửa đổi quan niệm của chúng ta hay không? Nếu chẳng sửa đổi, như vậy là “*bất thuận Phật thuyết*”, thật sự sửa đổi thì mới là “*thuận Phật sở thuyết*”.

Quý vị thấy đức Phật dạy chúng ta lễ kính chư Phật, tức là dùng cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi để tôn trọng, cung kính hết thấy mọi

người. Đức Phật dạy chúng ta xưng tán Như Lai, phàm trông thấy hết thảy thiện hạnh của chúng sanh phù hợp Tánh Đức, phải nên tán thán. Ta đối đãi với kẻ khác bình đẳng, kẻ khác đối xử với ta bất bình đẳng, ta khen ngợi kẻ ấy. Kẻ ấy hủy báng ta, ta tôn trọng kẻ ấy. Kẻ ấy khinh khi, phụ bạc ta, thậm chí hãm hại ta, nhưng nếu kẻ ấy làm một thiện sự tương ứng với Tánh Đức (đấy là oan gia đối đầu trong thế gian), có cần phải tán thán kẻ ấy hay không? Phải! Còn lỗi lầm của kẻ ấy thì sao? Trọn chẳng nhắc tới lỗi lầm. Không chỉ là miệng chẳng nhắc tới, trong tâm cũng chẳng có ấn tượng ấy! Vì sao? Chẳng thấy lỗi thế gian chính là “*thuận Phật sở thuyết*”.

Mười đại nguyện vương là pháp môn tổng trì, Thập Thiện Nghiệp Đạo là pháp môn tổng trì, Tịnh Nghiệp Tam Phước là pháp môn tổng trì. Kinh luận Tịnh Tông gồm năm kinh một luận, trong quá khứ, khi giảng Đại Thế Chí Viên Thông Chương, tôi cũng đã nói rất rõ ràng. Đại Thế Chí Viên Thông Chương tổng cộng chỉ có hai trăm bốn mươi chữ, còn ngắn hơn Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ, Đại Thế Chí Viên Thông Chương hai trăm bốn mươi chữ. Đây là pháp môn tổng trì của Tịnh Tông, là Tâm Kinh của Tịnh Tông. Nếu có thể suốt đời thọ trì, sẽ nhất định vãng sanh; nhưng thường là các đồng tu Tịnh Độ thọ trì kinh Di Đà nhiều nhất, cũng hết sức tốt. Nếu căn tánh thật sự rất độn, niệm kinh Di Đà [mà còn cảm thấy] quá dài, chẳng thể thọ trì, [vậy thì] Đại Thế Chí Viên Thông Chương là tốt nhất, Ấn Quang đại sư đề xướng [kinh này]. Theo truyền thuyết, Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Chúng ta chú tâm quan sát hành trạng suốt một đời tổ Ấn Quang, đúng là Ngài đã hành xử y như Đại Thế Chí Bồ Tát: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhờ vào phương tiện mà tự được tâm khai*”, rất giống sự mô tả chân xác sự tu hành trong suốt một đời của tổ Ấn Quang. Đây là Ngài đã vì chúng ta thị hiện “*tổng trì bất vong*” trong thời kỳ Mạt Pháp. Ngài dạy chúng ta một phương pháp rất phù hợp với thời đại này, khế cơ, đạo tràng có quy mô nhỏ, đồng học chẳng hơn hai mươi người, đúng là khó có!

Trong dĩ vãng, tôi luôn mong một tiểu Phật đường gồm hai mươi người cộng tu. Đương nhiên là những người vào Niệm Phật Đường giống như bé quan, còn có những người hộ trì, những người chăm sóc. Phật pháp và pháp thế gian không sai khác cho lắm, giống như trong nhà trường, có giáo viên, còn có chức viên (職員, những người có chức trách). Người tu hành gồm hai mươi người, người chiếu cố đại khái cũng cần từ mười mấy đến hai mươi người, hộ trì đạo tràng, chiếu cố cuộc sống hằng ngày của mọi người, tôi có cách nghĩ như thế đó. Nhưng về sau nghĩ đến thầy Lý, lão nhân gia thuở sinh tiền cũng thường căn dặn chúng tôi: “*Người trong Niệm Phật Đường chẳng thể nhiều! Hễ có nhiều người thì vị Chủ Thất Hòa Thượng chẳng thể chiếu cố nổi. Niệm Phật quanh năm, nhất là đồng tu trong Tinh Tấn Niệm Phật Đường chẳng thể vượt quá mười người*”. Lão nhân gia dạy chúng tôi điều này, hễ vượt quá mười người, quý vị sẽ chẳng có cách nào chuyên chú tinh thần. Bởi lẽ, vị đường chủ Niệm Phật Đường thật sự chịu trách nhiệm, hiểu rõ tình huống của mỗi cá nhân niệm Phật như lòng bàn tay, vị ấy đều biết. Giống như dạy học vậy, theo quy cách lớp học nhỏ, một vị

thầy hướng dẫn mười học trò, thầy có thể hoàn toàn chiếu cố. Hiện thời, mỗi lớp học có năm, sáu chục học trò, thầy làm sao có thể chuyên chú quan tâm cho nổi? Chẳng thể nào! Vì thế, tôi nghĩ tổ Ấn Quang nói hai mươi người, có thể là bao gồm nhân viên công tác trong đạo tràng, thầy đều tính gộp vào đó vẫn không vượt quá hai mươi người. Do vậy, đạo tràng theo quy mô nhỏ sẽ duy trì dễ dàng.

Hiện thời, chúng ta làm theo giáo huấn của Ấn Quang đại sư, cũng là “*thuận Phật sở thuyết, tổng trì bất vong*”, trở thành một đạo tràng điển hình khuôn mẫu. Giống như đạo tràng của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát thuở trước, đạo tràng của Ngài gồm mười hai người; mười hai người đều vãng sanh, đó gọi là một đạo tràng chân thật. Mười hai người đều vãng sanh, đáng gọi là đại đạo tràng, thành tựu viên mãn. Nếu người trong đạo tràng rất đông, chẳng có một ai vãng sanh, đạo tràng ấy thất bại, chẳng thành công! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới đây.

### ***Tập 1570***

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ bài kệ thứ hai trong đoạn thứ chín của phần Kệ Tụng:

***(Kinh) Nhược đắc kiến Phật, đương nguyện chúng sanh, đắc vô ngại nhân, kiến nhất thiết Phật.***

***(經)若得見佛。當願眾生。得無礙眼。見一切佛。***

***(Kinh: Nếu được thấy Phật, nguyện cho chúng sanh, được mắt vô ngại, thấy hết thấy Phật).***

“*Kiến Phật*”: Trong nhà của đại đa số các đồng học học Phật chúng ta đều có thờ tượng Phật, sáng tối tụng niệm, lễ bái. Đức Phật chẳng trụ thế, tượng Phật tượng trưng cho Phật, thấy tượng Phật như thấy Ngài. Có những người chẳng liễu giải, bảo chúng ta mê tín, thờ lạy ngẫu tượng. Họ chẳng biết ý nghĩa thật sự của việc thờ tượng Phật và lạy tượng Phật trong Phật môn; nếu gặp phải tình hình ấy, chúng ta nhất định phải giải thích cho họ. Tạc tượng, bất luận là tượng đất nặn, gỗ khắc, hoặc là đúc bằng kim loại, cho đến tranh vẽ, xưa nay, trong ngoài nước, cho đến trước khi có văn tự, những người thuộc cổ đại, chúng ta thường nói là “*người nguyên thủy*”, đối với các tảng đá, hoặc trong thạch động, trong hang động, vì xưa kia họ sống trong huyết động, trên các nham thạch trong huyết động cũng có những điêu khắc. Điêu khắc thường thấy nhất là hình ảnh con người. Quý vị có thể nói đây là mê tín hay sao? Nếu nói đây là mê tín, trong xã hội hiện đại, hình ảnh con người quá nhiều, chúng ta đi đường, trông thấy trong quảng cáo có bao nhiêu hình người; đó chẳng phải là mê tín ư? Phải hiểu điều này, phải hiểu rõ điều này!

Thờ phụng tượng Phật có hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là ý nghĩa kỷ niệm. Thầy chúng ta đầu thời gian cách biệt đã rất lâu, chúng ta niệm niệm chẳng quên. Máy ngàn năm, chúng ta nói đến tổ sư, luôn chẳng quên ân đức của các Ngài, có

lẽ nào chẳng tôn trọng vị thầy hiện tiền? Vì thế, thờ phụng hình tượng thầy là tôn sư trọng đạo, là niệm nào cũng đều chẳng quên giáo huấn của thầy. Trông thấy hình tượng của thầy bèn nhớ đến giáo huấn của thầy, có thể coi chuyện này là mê tín ư? Trong gia đình, cha mẹ còn sống, nhưng ông bà, ông bà cố, ông bà sơ đã khuất, khá nhiều người trong gia đình cũng thờ ảnh chụp của người đời trước, đây là mê tín ư? Vì sao phải thờ những thứ ấy? Đó gọi là uống nước nhớ nguồn! Tâm thân này của chúng ta do đâu mà có? Từ cha mẹ mà ra, thân cha mẹ từ ông bà mà ra. Đây là lý do vì sao người Hoa thờ cúng tổ tiên. Tổ tiên mấy ngàn năm căn bản là chẳng nhận biết, cũng chẳng biết các cụ hình dạng ra sao, bắt đắc dĩ thờ bài vị các cụ, đây cũng là mê tín ư? Đối với viễn tổ mà luôn tôn trọng, hoài niệm như vậy, đối với cha mẹ, ông bà trước mắt, lẽ đâu chẳng hiếu thuận? Vì thế, đây là giáo dục luân lý, “*thận chung truy viễn*”<sup>1</sup>. Đây là giáo dục truy viễn, quý vị thấy ân tình nồng hậu dường ấy!

[Do nghĩ là] “mê tín, thờ ngẫu tượng”, bèn phủ định. Sau khi đã phủ định, mới đem lại sự động loạn trong xã hội hiện thời, đem lại sự ích kỷ cực đoan trong xã hội hiện tiền, đó gọi là “*bản vị chủ nghĩa*”, [tức là] chỉ có chính mình, cha mẹ đều chẳng màng đến! Chúng ta lắng lòng suy nghĩ xem chúng ta hiếu dưỡng cha mẹ là tốt, hay bất hiếu với cha mẹ là tốt? Đời này chúng ta chẳng cần cha mẹ, bất hiếu với cha mẹ, vậy thì con cái của quý vị cũng sẽ chẳng hiếu thuận với quý vị; đó là gì? Đây là đạo lý thiên kinh địa nghĩa, người trên làm, kẻ dưới bắt chước theo, chúng nó học theo từ nhỏ. Vì thế cô nhân dạy về hiếu vào lúc nào? Ngay từ lúc đứa trẻ vừa mới sanh ra. Dạy như thế nào? Quý vị đối với cha mẹ tận hiếu, con cái trông thấy, trong tương lai, chúng nó trưởng thành sẽ tận hiếu đối với cha mẹ của chính mình, coi chuyện này là đạo lý đương nhiên. Quý vị bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, mà muốn cho con thơ, con cái của quý vị hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, há có lẽ ấy? Vì thế, đây là giáo dục.

Phật là đại thánh nhân. “*Thánh nhân là gì?*” cho đến “*Phật là gì?*” đều chẳng hiểu rõ ràng! Người học Phật mà chẳng hiểu rõ Phật! Phật (Buddha) là tiếng Ấn Độ, tức là tiếng Phạn của cổ Ấn Độ, dịch sang tiếng Hán theo lối phiên âm, vì sao? Tại Trung Hoa, chẳng tìm thấy chữ xít sao để phiên dịch ý nghĩa, cho nên đành phải dịch theo lối phiên âm, sau đây mới chú giải thêm. Chú giải ý nghĩa gì vậy? Ý nghĩa trí huệ, ý nghĩa giác ngộ. Trong chữ Hán, Trí lẫn Giác đều có, vì sao chẳng dịch thành Trí Giác? Chúng ta dùng hai chữ ấy cũng chẳng thể được ư? Vẫn không được! Trí và Giác ở đây chẳng phải là trí và giác trong khái niệm thông thường của chúng ta. Đây là chuyện bắt đắc dĩ. Trong Trí bao hàm ba thứ ý nghĩa, tức Nhất Thiết Trí, Đạo Chung Trí và Nhất Thiết Chung Trí. Chữ Trí của Trung Hoa chẳng có ý nghĩa này. Trong Giác cũng có ba ý nghĩa, tự giác, giác tha, và giác hạnh viên mãn. Do vậy chữ [Phật] này được gọi là “*hàm đa nghĩa*”

---

<sup>1</sup> Thận chung truy viễn (慎終追遠) là một thành ngữ xuất phát từ một câu nói của Tăng Tử được chép trong thiên Học Nhi của bộ Luận Ngữ, có ý nghĩa là khi cha mẹ đã khuất, con cái sẽ chôn cất, ma chay cẩn thận, cung kính. Đây là “*thận chung*”. Đối với ân của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, con cháu luôn tưởng nhớ, sống sao cho xứng đáng với họ. Đây là “*truy viễn*”.



*bát phiên*” (do bao hàm nhiều ý nghĩa nên không dịch). Nó có rất nhiều ý nghĩa, chỉ có cách dùng kiểu dịch theo lối phiên âm. Nói tóm lại, dùng cách nói dễ dàng nhất, thông tục nhất, [Phật] là người minh bạch, đối với sự lý và nhân quả của vũ trụ và nhân sinh, chẳng có điều gì không hiểu rõ, chẳng có điều gì không thông đạt, người như vậy được gọi là Phật.

Ở Trung Hoa, “*thánh*” có ý nghĩa này. Thánh nhân là người minh bạch, là người thông đạt hết thảy vũ trụ và nhân sinh, đây là thầy của chúng ta. Tại Trung Hoa, nhân vật đại biểu là Khổng Tử, [Ngài thường được gọi là] Khổng thánh nhân. Tại cổ Ấn Độ, Thích Ca Mâu Ni Phật là đại biểu, thật sự là một vị thầy, cả đời dạy học suốt bốn mươi chín năm, trước nay chẳng hề gián đoạn. Khổng lão phu tử lão nhân gia sau khi đã học thành công, nói thật ra là muốn ra làm quan, hòng có thể đem sở học của chính mình cống hiến nhân dân, vì nhân dân phục vụ. Suốt đời, Ngài hâm mộ Châu Công nhất. Nếu khi ấy, những vị quốc quân (vua nước Lỗ và vua các nước chư hầu khác) chịu dùng Khổng Tử, tin tưởng Khổng Tử là Châu Công thứ hai, [Ngài sẽ] nghiêm túc gánh vác trách nhiệm, cúc cung tận tụy. Không có ai dùng Ngài, người khác nghe ý kiến của Ngài đều gật gù, khá lảm, hay lảm, lý tưởng tuyệt lảm, chẳng dễ gì làm được! Chẳng có ai dùng Ngài, Ngài mới trở về nhà dạy học. Chu du các nước mười mấy năm, khi quay về, tuổi tác cũng đã cao. Sáu mươi tám tuổi quay về, bảy mươi ba tuổi lão nhân gia qua đời. Do vậy, trở về nhà dạy học chỉ có năm năm.

Nếu Khổng Tử có thể nhìn thấu suốt, thấy rõ ràng như Thích Ca Mâu Ni Phật, [Khổng Tử sẽ] chẳng mong làm chánh trị. Thích Ca Mâu Ni Phật là vương tử, nếu Ngài không xuất gia, sẽ kế thừa ngôi vua của cha. Người ta nhìn thấu triệt, thấy minh bạch. Chuyện có ý nghĩa nhất trong đời người là học vấn thành tựu, trí huệ thành tựu, triệt để thông đạt hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, đây là có ý nghĩa, có giá trị! Sau khi đã hiểu rõ, phải giúp đỡ những người còn chưa hiểu rõ, phải giúp đỡ họ. Các vị thánh nhân trong ngoài nước xưa nay, chẳng có vị nào không theo đuổi công tác giáo học. Quý vị nói xem, thế gian này nghề nghiệp nhiều đường ấy, [có sao] các Ngài chọn dạy học; nhưng theo đuổi phương thức dạy học, nói theo kiểu hiện thời, sẽ là “*giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên*”. Khổng Tử thực hiện giáo dục bằng cách mở một trường học, trường học ở một chỗ. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy học, dạy suốt đời, chẳng có trường học, giảng đường lưu động. Hôm nay giảng nơi đây, ngày mai lại đổi chỗ, ngày một lại chẳng biết đến giảng ở chỗ nào! Thường xuyên đổi chỗ, chẳng ở một nơi nào! Cũng chẳng có phòng học cố định. Dưới cội cây trong núi, rừng đều là phòng học của Ngài, hai bờ sông Hằng cũng là phòng học của Ngài, người ở chỗ nào thì phòng học ở chỗ đó. Vì thế, Ngài thuộc loại giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên.

Từ những ghi chép trong kinh điển, chúng ta biết dấu chân của đức Thế Tôn trọn khắp Ngũ Ấn Độ. Thuở đó là đi bộ. Đã thế, chúng ta biết người Ấn Độ không đi giày, đi chân trần. Khéo sao Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự là bậc đại triết đại ngộ, giáo hóa chúng sanh chẳng phân biệt sắc tộc, chẳng phân biệt quốc gia, mà cũng chẳng phân chia tôn giáo. Người tiếp nhận giáo dục có trình độ cao thấp bất đồng, có người trí huệ rất cao, nói theo kiểu hiện thời là “*chuyên gia,*

*học giả*”, có người là kẻ bình dân mù chữ. Vì thế, trong xã hội, trên là từ đế vương, dưới cho tới thứ dân, các ngành nghề, Ngài thấy đều có thể mở lớp dạy học, giáo hóa hết thầy chúng sanh. Ngài chẳng biên soạn sách giáo khoa, cũng chẳng biên soạn đại cương giáo học, hằng ngày cùng các đồng học đàm thoại, giải đáp những câu hỏi do các đồng học nêu ra, về sau được ghi chép lại thành kinh điển. Ghi chép là sau khi đức Phật khuất bóng mới ghi chép lại, chứ thuở ấy (thuở Phật tại thế) chẳng có. Vì thế, Ngài đến nơi nào đó dạy học xác thực là hoan hỷ, rất vui sướng, vì sao? Đi xa mà chẳng có hành lý, gánh nặng gì cũng đều chẳng có! Bất luận đi đến nơi đâu, đều là “*ba y, một bát*”, những thứ khác đều chẳng có. Quý vị thấy đơn giản lắm, vui sướng lắm, áp lực lẫn gánh nặng gì cũng đều chẳng có.

Kinh Kim Cang nói đức Phật có ngũ nhãn, [tức là] có Nhục Nhãn, Thiên Nhãn, Huệ Nhãn, Pháp Nhãn, và Phật Nhãn, ngũ nhãn viên minh. Những điều này đều nhằm tán thán trí huệ của lão nhân gia. Nhục Nhãn, giống như phàm phu chúng ta có Nhục Nhãn. Thiên Nhãn khác hẳn, Thiên Nhãn có thể thấy quá khứ, vị lai. Nói theo kiểu hiện thời, Ngài có năng lực đột phá các chiều không gian, có thể thấy những không gian mà lũ bình phàm chúng ta chẳng thấy. Chuyện này thuộc về Thiên Nhãn. Nhưng Huệ Nhãn lại khác với Thiên Nhãn, đức Phật dạy chúng ta, chư thiên có Thiên Nhãn, chẳng có Huệ Nhãn, vì sao? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng buông xuống; do vậy, chẳng có Huệ Nhãn. Trong ba loại phiền não ấy, buông xuống một thứ trong ba thứ, chẳng có chấp trước, sẽ lại có thêm một loại mắt, [tức là] có Huệ Nhãn. A La Hán, Bích Chi Phật có Huệ Nhãn, trí huệ ấy vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Chỉ cần quý vị buông xuống chấp trước đối với hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn chấp trước nữa, quý vị sẽ đắc Huệ Nhãn. Quý vị mới dần dần thấy chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, vừa mới trông thấy, vẫn chưa phải là thật sự hiểu rõ. Tuy đã thấy, chẳng rõ ràng cho lắm!

Nếu lại còn buông xuống phân biệt đối với hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn phân biệt, vậy là quý vị đắc Pháp Nhãn. Pháp Nhãn rõ ràng hơn Huệ Nhãn khá nhiều. Điều này chẳng dễ hiểu cho lắm, chúng tôi dùng tỷ dụ. Người cao tuổi mắt hoa, mắt già bị hoa, có trông thấy mọi vật hay không? Thấy chứ, nhưng mơ hồ, chẳng rõ ràng cho lắm. Đây là Huệ Nhãn. Đeo kiếng bèn thấy rất rõ ràng, đó là Pháp Nhãn. Từ tỷ dụ này, quý vị có thể lãnh hội đôi chút, Pháp Nhãn trông thấy rõ ràng. Nhưng những chuyện, những hiện tượng trong khắp pháp giới hư không giới, rốt ráo từ đâu mà có? Phát sanh như thế nào? Vì sao mà có? [Để thấu hiểu] những đạo lý to lớn ấy, vẫn phải tăng tấn, vọng tưởng cũng phải đoạn trừ. Đã đoạn trừ vọng tưởng, Phật Nhãn bèn hiện tiền, tức là minh tâm kiến tánh. Khi kiến tánh, quý vị sẽ triệt để hiểu rõ tánh, tướng, sự lý, nhân quả của muôn sự muôn vật trong vũ trụ. Đây là Phật Nhãn, tức “*vô ngại nhãn*”, chẳng có chướng ngại.

“*Vô ngại nhãn*” là vô ngại huệ, trí huệ rốt ráo viên mãn hiện tiền, khi ấy sẽ thấy cảnh giới gì? Thấy hết thầy Phật. “*Thấy hết thầy Phật*” có nghĩa là gì? Thật sự hiểu rõ toàn thể vũ trụ là một Thể, nhất thiết trí, nhất thiết giác. Vậy thì

nếu chúng ta hỏi: Chúng sanh khổ nạn đang mê muội trong tam đồ lục đạo có phải là Nhất Thiết Trí hay không? Đúng vậy! Lời này phải hiểu như thế nào? Chúng ta vẫn dùng tỷ dụ của tổ sư đại đức từ xưa để nói. Cổ đức dùng vàng và đồ vật để tỷ dụ. *“Dùng vàng làm các món vật, món nào cũng đều là vàng”*. Vàng và đồ vật là một, không hai. Chúng ta sánh ví vàng như Pháp Tánh. Pháp Tánh là Trí. Sánh ví đồ vật như pháp tướng; đây là các hiện tượng, vạn sự, vạn tướng trong vũ trụ. Người giác ngộ sẽ biết, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là “tâm hiện, thức biến”, thuần chân vô vọng! Kẻ mê chẳng biết, chẳng biết tất cả hết thấy hiện tượng đều là tâm tánh, không biết! Do vậy, ở đây là vấn đề giác và mê. Khi mê thì gọi là chúng sanh, khi giác gọi là Phật. Thật ra, Phật và chúng sanh là một, không hai.

Quý vị đã giác, tánh và tướng chẳng hai; hễ mê thì vẫn là tánh và tướng chẳng hai. Tuyệt đối chẳng phải là nói tánh và tướng sẽ biến đổi theo sự mê hay ngộ của quý vị, chẳng phải vậy, nó chưa hề biến đổi theo quý vị. Cái biến đổi theo quý vị, sẽ chẳng phải là chân tánh; đó là thứ gì vậy? Đó là vọng tưởng, chư vị phải biết điều này. Trong A Lại Da, theo như kinh điển Pháp Tướng Tông đã nói, chúng tử đã in dấu trong A Lại Da dấy lên phản ứng. Trong chân tánh có [vọng tưởng] hay không? Trong chân tánh chẳng có! Trong chân tánh chẳng có thiện, mà cũng chẳng có ác, chẳng có chân, mà cũng chẳng có vọng. Nhà Phật gọi điều này là pháp môn Bất Nhị. Nhị là gì? Đối lập. Trong chân tánh chẳng có đối lập; hễ thứ gì đối lập thì chẳng thật!

Do vậy có thể biết, trong các buổi giảng, chúng tôi thường dẫn dụng thí nghiệm với nước của tiên sĩ Giang Bồn Thắng, thí nghiệm cho thấy nước có thấy, nghe, hay, biết, nó có thể phản ứng với sắc, thanh, hương, vị. Trong ấy, sự “thấy, nghe, hay, biết” là có, nhưng trong “thấy, nghe, hay, biết” có đối lập hay không? Chẳng có! Phải biết điều này, tuyệt đối chẳng có! Vì sao chúng ta dùng thiện niệm đối với nó, nó sẽ phản ứng bằng mô thức kết tinh rất đẹp. Đối với nó bằng ác niệm, nó sẽ phản ứng bằng mô thức kết tinh rất xấu xí. Đây là chuyện như thế nào? Đây là chúng tử tập khí chứa đựng trong A Lại Da dấy lên hiện hành, do gặp duyên bèn dấy lên hiện hành. Gặp thiện duyên bèn dấy lên hiện hành thiện; gặp ác duyên bèn dấy lên hiện hành ác. Trong Pháp Tánh thì sao? Trong Pháp Tánh chẳng có thiện hay ác, phải hiểu đạo lý này! Đạo lý này quá sâu!

Cho nên, từ thí nghiệm với nước trong khoa học, có thể nói rõ các hiện tượng trong lục đạo và mười pháp giới, chúng ta nói là “có nhân, có quả”. Thiện nhân có thiện quả, ác nhân có ác báo; đây là lục đạo, là mười pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới chẳng có, vì sao chẳng có? Trong Nhất Chân pháp giới chẳng có ý niệm! Chúng ta có thiện niệm và ác niệm, trong Nhất Chân pháp giới chẳng có thiện niệm, mà cũng chẳng có ác niệm. Vì sao biết? Chẳng khởi tâm, không động niệm, thì là đoạn vọng tưởng. Vọng tưởng là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là vô minh. Chúng ta dùng một thiện niệm, hay dùng một ác niệm, chẳng phải là khởi tâm động niệm hay sao? Không chỉ là khởi tâm động niệm, mà trong ấy còn có phân biệt, chấp trước. Vì thế, nó biến hiện, chúng ta ý thức rất rõ ràng đó là chúng tử được in dấu trong A Lại Da, chẳng phải là chân

tánh. Nếu quý vị muốn kiến tánh, thấy chân tánh, đối với vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị ắt cần phải thấy đều đoạn trừ, sau đây sẽ thấy gì? Thấy hết thấy chúng sanh đều thành Phật, hoặc là như trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác đã nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật*”, thật đấy, chẳng giả!

Vì sao chư Phật Như Lai chân thành lễ kính hết thấy chúng sanh như vậy? Lễ kính hết thấy chúng sanh chính là lễ kính chân tánh của chính mình, lễ kính Tánh Đức của chính mình, người khác và chính mình có mối quan hệ mật thiết như thế đó. Núi, sông, đại địa, cây cối, hoa, cỏ, cùng chung một Pháp Thân, đều là tâm hiện thức biến; lia khỏi tâm thức thì chẳng có một pháp nào để có thể được. Đây gọi là “*thấy hết thấy Phật*”. Đạt đến cảnh giới ấy, quý vị mới thật sự hiểu rõ một câu ngạn ngữ của cổ đại đức: “*Thiên hạ vốn vô sự, kẻ ngu tự lo sâu*”. Khế nhập cảnh giới ấy, mới thật sự hiểu rõ câu này. Chẳng khế nhập cảnh giới ấy, nghe câu này chẳng hiểu. Mấy chữ ấy đều nhận biết, nói thì cũng nghe rất rõ ràng, dường như đã hiểu, thật ra hoàn toàn không hiểu. Vì sao không hiểu? Chẳng phải là cảnh giới của quý vị! Đây là cảnh giới của chư Phật Như Lai, quý vị làm sao hiểu nổi? Nếu quý vị đã hiểu, đã nhập cảnh giới này, quý vị đã thành Phật; sau đây, quý vị mới thấy hết thấy chúng sanh chẳng khác chư Phật Như Lai.

Nhất định phải diệt trừ chướng ngại, hết thấy chúng sanh thấy đều là vô ngại nhãn, đều là ngũ nhãn viên minh. Lũ phàm phu chúng ta có nghiệp chướng, chẳng có Thiên Nhãn. Do có chấp trước, [cho nên] chẳng có Huệ Nhãn. Do có phân biệt, chẳng có Pháp Nhãn. Do khởi tâm động niệm, chẳng có Phật Nhãn. Hiện thời, chỉ còn lại Nhục Nhãn, đã nhìn sai khá nhiều chuyện. Nhìn sai người, bị thua thiệt, bị lừa gạt. Nhìn sai việc, cũng phạm phải lầm lỗi. Có thể nói là trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, những chuyện này thường xuyên tồn tại, chỉ cần quý vị lưu ý là có thể hoàn toàn trông thấy. Sau khi quý vị đã thấy, quý vị có còn động tâm hay không? Phàm phu chẳng có ai không động tâm, bị thua thiệt, bị lừa gạt rất oan uổng. Đây là quý vị khởi tâm động niệm. Một chuyện làm rất viên mãn, rất thành công, quý vị rất hưng phấn, rất vui sướng; nói cách khác, phản ứng của quý vị là thất tình ngũ dục.

Chuyện này khác với Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát ứng hóa trong lục đạo, ứng hóa trong tam đồ, thấy chúng sanh trong lục đạo tạo ác, hành thiện, tạo ác nhiều, hành thiện ít, Phật, Bồ Tát có động tâm hay không? Chẳng có! Tâm của Phật, Bồ Tát giống như một mặt gương, soi rành mạch, rõ ràng, phân minh. Hiện tượng ấy là chuyện như thế nào? “*Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng*”. Duyên tụ bèn có, duyên tán thì không! Nghiêm túc tỉ mỉ quan sát, thừa cùng chư vị, nhân duyên cũng chẳng phải là thật. Chuyện này càng nói càng sâu. Quý vị hãy ngẫm xem trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Lại nghĩ đến lời đức Thế Tôn đã nói trong kinh Lăng Nghiêm, Ngài nói đến Thật Tướng của các pháp, chẳng phải là nhân duyên, chẳng phải là tự nhiên, chẳng phải là hòa hợp, chẳng phải là bất hòa hợp. Do vậy, chẳng có khởi tâm động niệm. Cũng chính vì “*chẳng khởi tâm, không động niệm*” nên mới nhìn thấy rõ ràng như thế. Đây gọi là Phật Nhãn, cao minh

hơn Bồ Tát nhiều lắm. Bồ Tát biết lẽ đương nhiên, nhưng chẳng biết nguyên nhân. Đạt đến địa vị Phật thì mới là viên mãn rốt ráo!

Nay chúng ta là phàm phu chánh công mê chứ chẳng giác, chính mình phải thừa nhận, từ vô lượng kiếp đến nay đã sanh tử luân hồi trong lục đạo, chẳng có cách nào thoát lia. Câu nói “*con người đáng quý ở chỗ tự biết mình*” chính là cách ngôn của bậc cổ thánh, điều đáng quý, chuyện khó thể làm được là “nhận biết chính mình”. Trong trạng huống hiện thời của chúng ta, nay đã tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, đây là duyên; chính mình có thể tin, có thể giải, đó là thiện căn, [tức là] thiện căn từ đời quá khứ. Đúng là giống như trong thí nghiệm với nước, Phật, Bồ Tát thị hiện, dùng một thiện niệm đối với các Ngài, các Ngài sẽ phản ứng rất tốt đẹp. Nay chúng ta tiếp nhận giáo huấn từ kinh giáo của Phật, Bồ Tát, bèn dấy lên phản ứng, dấy lên ý nguyện rất muốn y giáo phụng hành, rất mong thành tựu ngay trong một đời này. Đây là trong A Lại Da từ đời quá khứ đã có chủng tử tập khí này, giống như nước phản ứng bằng mô thức kết tinh rất đẹp đẽ, gặp gỡ thiện duyên mà! Gặp một ác duyên, [chẳng hạn như] giết, trộm, dâm, dối, trong tâm chúng ta cũng bị nó (ác duyên ấy) lay động, cũng sẽ thuận theo nó làm chuyện xấu xa, đây là như thường nói: “*Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen*”. Chư Phật, Bồ Tát dấy khởi cảm ứng đạo giao cùng chúng sanh trong mười pháp giới, vì sao? Có thể từ chỗ này mà thấu hiểu. Đây chính là giáo dục, giúp cho một cá nhân quay đầu là bờ.

Thiện chủng tử được huân tu từ vô lượng kiếp đến nay trong A Lại Da Thức; đây là nhân. Phật, Bồ Tát trông thấy kẻ đó có cái nhân ấy, cái nhân ấy là cảm, Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ, thúc đẩy kẻ ấy; đó là duyên. Do vậy, giáo huấn của Phật, Bồ Tát là duyên. Gặp gỡ duyên ấy, thiện căn của kẻ đó dấy lên hiện hành, sẽ có thể nâng cao cảnh giới của chính mình. Nói cách khác, nay chúng ta thuộc địa vị phàm phu, chuyện quan trọng nhất là làm thế nào để nâng cao chính mình, những chuyện khác là chuyện nhỏ nhặt, chẳng đáng nhắc tới. Chúng toàn là giả, quý vị làm những chuyện ấy để làm gì? Tăng tấn cảnh giới của chính mình, đây là chuyện to lớn.

Hôm qua, có một đồng tu tại Thâm Quyển vãng sanh, vãng sanh vào lúc hơn bốn giờ chiều. Trước khi vãng sanh, ông ta nói muốn đến Hương Cảng gặp tôi. Chiều hôm qua, khi chúng tôi bắt đầu giảng kinh thì ông ta ra đi, biết trước lúc mất, hết sức khó có. Đây là có thiện căn, thiện căn đã chín muồi. Năm xưa, nghe tôi giảng kinh, nghe tôi nhắc đến những người niệm Phật trong Vãng Sanh Truyện, đại khái là từ ba năm đến năm năm bèn thành công, bèn ra đi, biết trước lúc mất, qua đời. Dẫu còn có thọ mạng, chẳng cần đến. Người đã thành công mà không ra đi thì chỉ có một điều kiện: Người ấy còn có duyên với thế gian này, vẫn chưa thể ra đi. Đây là gì? Phải mang thêm mấy người theo đi, phải giúp đỡ mấy người ấy vãng sanh. Trừ chuyện này ra, chẳng có chuyện thứ hai nào khác! Nếu chẳng có duyên với thế gian này, chẳng có ai nghe theo vị ấy, chẳng có ai tiếp nhận giáo huấn của vị ấy, vị ấy bèn ra đi. Vị đồng tu này chỉ ba mươi tám tuổi, biết trước lúc mất; ông ta tu thành công như thế nào? Cư sĩ Hướng Tiểu Ly làm hộ pháp cho ông ta, ông ta muốn bế quan ba năm. Cư sĩ Hướng Tiểu Ly hộ trì

ông ta. Suốt ba năm niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật, đúng là “*niệm mệt mỏi bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoắn rồi bèn niệm tiếp*”, chẳng có ý niệm chi khác. Suốt ba năm chẳng nói một câu nào, điều này rất trọng yếu, bí quyết thành công ở ngay chỗ này. Đây là gì? Buông xuống muôn duyên, đặc Niệm Phật tam-muội.

[Ông ta] ra đi hôm qua, còn kém hai tháng mới tròn ba năm, hai năm mười tháng đã thành công. Quý vị thấy đó, vãng sanh dễ dàng như thế đó, tức là đơn giản như thế đó! Vấn đề là quý vị có chịu thật sự hành hay không? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, thừa cùng chư vị, chính là “*đắc vô ngại nhân*”, thấy hết thấy chúng sanh trong trọn khắp pháp giới, hư không giới chẳng có một ai không phải là Phật, hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật. Những gì kinh Hoa Nghiêm đã dạy, người ấy đều thấy. A! Nay đã hết thời gian rồi, bài kệ này nói tới đây.

\*\*\*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ thứ ba tiếp theo:

***(Kinh) Đệ quán Phật thời, đương nguyện chúng sanh, giai như Phổ Hiền, đoan chánh nghiêm hảo.***

***(經)諦觀佛時。當願眾生。皆如普賢。端正嚴好。***

***(Kinh: Lúc quán kỹ Phật, nguyện cho chúng sanh, đều như Phổ Hiền, đoan chánh, nghiêm hảo).***

“*Đệ quán*” (諦觀) nói theo kiểu hiện thời là chú tâm nhìn, nhìn cẩn thận, nhìn cung kính, thật thà mà nhìn; đó gọi là Đệ Quán, tức nhìn Phật. Vào thời cổ, tạc tượng Phật bèn chú trọng sự biểu thị pháp. Trong kinh Phật, có một bộ kinh mang tựa đề là Tạc Tượng Lượng Độ Kinh (造像量度經). Đức Phật dạy tạo hình tượng thì phải tạo theo cách nào, tỷ lệ giữa các bộ vị trên thân tượng phải tương xứng, cũng chính là như kinh thường nói “*ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo*”. Nếu có thể nêu bày ra, nhìn cẩn thận, sẽ đều có thể thấy được ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Mỗi tướng hảo đều biểu thị phước báo nơi trí huệ, đương nhiên là trí huệ và phước báo là quả, quả thì ắt phải có nhân. Khiến cho chúng ta trông thấy quả, bèn nghĩ đến Phật, Bồ Tát thuở tại thế đã tu nhân như thế nào thì mới có thể thành tựu tướng hảo thù thắng dường ấy, đã ban cho bọn hậu học chúng ta một sự khơi gợi, dấy khởi rất lớn, có ý nghĩa giáo dục rất trọng yếu. Đây là ý nghĩa thứ hai của việc thờ phụng tượng Phật, “*kiến hiện tư tề*” (見賢思齊, thấy người hiền, mong được bằng).

Trong phần trước, ý nghĩa thứ nhất [của việc thờ phụng tượng Phật] là ý nghĩa báo ân. Đó gọi là “*báo bản phản thi*” (報本反始, báo đáp cội nguồn, truy ngược về sự khởi đầu), chúng ta phải kỷ niệm thầy. Ý nghĩa thứ hai là thấy hình tượng của thầy, sẽ học tập thầy, bắt chước thầy. Đây chẳng phải là lạy lục ngẫu tượng, chẳng phải là mê tín, đây là giáo dục. Chư vị suy ngẫm [sẽ thấy] hai loại giáo dục này trọng yếu dường ấy, có nhiều ý nghĩa ngàn ấy, làm sao có thể nói

nó là mê tín cho được? Sự hiểu lầm ấy đúng là hiểu lầm đến nỗi phải kêu rầm trời. Lấy ngay quốc gia, xã hội trong hiện thời [để bàn thảo], chúng ta đến bất cứ một quốc gia nào, những nơi chốn công cộng, nhất là cơ quan của chánh phủ, quý vị sẽ đều trông thấy họ treo hình ảnh Tổng Thống, Phó Tổng Thống, quốc kỳ, quốc huy. Chúng ta phải hỏi, đây có phải là mê tín hay không? Đây có phải là lạy ngẫu tượng hay không? Vì sao chúng ta tạo tượng Phật lại biến thành ngẫu tượng, còn những tượng do quý vị đắp, tạc đều chẳng gọi là ngẫu tượng, đều chẳng thể gọi là mê tín?

Tượng Phật có ý nghĩa càng sâu, càng rộng hơn những hình tượng ấy. Ba mươi hai tướng [hiểu theo ý nghĩa] đơn giản nhất, rõ rệt nhất, chính là ba mươi hai loại thiện nhân và thiện quả. Hễ trông thấy, [những tướng ấy] nhắc nhở quý vị phải tu thiện nhân thì mới có thể đắc thiện quả. Thiện phải là chân thiện, sau đây mới kèm thêm các món hảo, được gọi là “*tướng hảo*”, [thành ra] ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Tướng hảo thật sự của đức Phật chúng ta tạo không nổi, giống như trong kinh Hoa Nghiêm nói đến Tỳ Lô Giá Na Phật, đây là Báo Thân Phật: “*Thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo*”. Chỉ nói đơn độc về tướng hảo, chúng ta đã chẳng thể lãnh hội được! Chúng ta chỉ có thể trông thấy “*cành thô, lá to*”, chứ những tướng hảo cực kỳ vi tế, chúng ta chẳng có cách nào cảm nhận được. Đây là lý do vì sao bảo quý vị hãy “*đế quán*”, trong “*đế quán*” còn có ý nghĩa này.

Điều trọng yếu nhất trong đế quán là quán tướng, nghĩ đến trí huệ, đạo đức, từ bi, công đức của đức Phật, vô tư, vô ngã, thanh tịnh, bình đẳng. Giáo hóa chúng sanh, đáng nên dùng thân gì để dạy, Ngài bèn hiện thân ấy. Tùy theo trình độ và căn tánh của chúng sanh mà ứng cơ thí giáo (ban bố giáo pháp tương ứng với căn cơ), chẳng có pháp nhất định; cho nên mới có thể phổ độ chúng sanh. Nếu có pháp nhất định, sẽ chẳng thể phổ độ, vì sao? Pháp nhất định thì quý vị chỉ có thể thích hợp với [những đối tượng phù hợp] tiêu chuẩn giáo học của quý vị. Chẳng thích hợp thì sẽ chẳng có cách nào hết! Đức Phật chẳng có tiêu chuẩn dạy học, chẳng có pháp nhất định; vì thế, đối với mỗi chúng sanh trong mười pháp giới, Ngài đều có thể dạy, chẳng bỏ sót một ai, đúng như trong Phật môn đã nói: “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. Đây mới là bình đẳng từ bi thật sự. Kẻ chẳng có thiện căn, đức Phật giúp đỡ người ấy gieo thiện căn. Người đã có thiện căn, đức Phật giúp người ấy tăng trưởng. Người thiện căn chín muồi, đức Phật giúp người ấy thành tựu. Từ đầu tới cuối kinh Hoa Nghiêm, ý nghĩa này hết sức rõ rệt, từ trong mỗi dòng chữ, quý vị đều có thể lãnh hội tinh thần giáo hóa chúng sanh của đức Phật khi Ngài tại thế.

Khi “*đế quán*” Phật, dẫn phát đại nguyện là nguyện cho hết thảy chúng sanh, “*giai như Phổ Hiền, đoan chánh nghiêm hảo*” (đều như Phổ Hiền, đoan chánh, trang nghiêm, tốt đẹp). “*Nghiêm*” (嚴) là trang nghiêm, nay chúng ta nói là “*đẹp đẽ*”, chẳng có mảy may khuyết hãm. Vì sao phải nêu ra Phổ Hiền? Quán Âm Bồ Tát chẳng phải là rất tốt ư? Văn Thù Bồ Tát chẳng phải là tốt lắm ư? Vì sao chỉ nêu một mình Phổ Hiền? Nếu nói đến “*đoan chánh nghiêm hảo*” thì có thể nói là tất cả các vị Bồ Tát thấy đều trọn đủ đoan chánh nghiêm hảo. Vậy thì

nêu lên Phổ Hiền nhằm biểu thị ý nghĩa gì? Phổ Hiền biểu thị thật sự hành! Giáo pháp Đại Thừa của đức Thế Tôn được truyền đến Trung Hoa, điểm chủ yếu nhất trong giáo pháp Đại Thừa là bốn pháp môn, nói theo cách hiện thời là “*bốn môn công khóa*” do bốn vị Bồ Tát làm đại biểu, phải nên biết điều này.

Vị thứ nhất là Địa Tạng Bồ Tát, biểu thị hiếu thân, tôn sư (hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính thầy), dạy học phải bắt đầu từ chỗ này. Vì thế, danh hiệu của Ngài là Địa Tạng. Địa (Kṣiti, 地) là gì? Đại địa. Tạng (Garbha, 藏) là bảo tạng (寶藏, kho báu). Quý vị thấy loài người chúng ta sống trong thế gian này, con người sống trong thế gian thì cuộc sống dựa vào gì? Dựa vào đại địa, dựa vào bảo tạng trong đại địa chúng ta mới có thể sanh tồn. Ngũ cốc, các loại lương thực mà chúng ta ăn đều sanh trưởng trên đất, đây là Bảo. Những thứ chúng ta mặc, sử dụng đều sanh ra từ đất. Ngoài thực vật còn có khoáng vật; dưới đại địa có vô lượng khoáng vật, cung cấp những nhu cầu sử dụng thường nhật cho chúng ta. Vì thế, dùng [thánh hiệu] Địa Tạng.

Áp dụng ngược lại tỷ dụ này vào chúng ta, Địa là tâm địa. Đức Phật nói chân tâm của chúng ta vốn trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng. Vô lượng trí huệ giống như quặng mỏ, trong đại địa chứa đựng khá nhiều thứ kim loại quý trọng. Vô lượng đức năng giống như sự vận hành của đại địa, vô lượng tướng hảo giống như núi, sông, cây cối, hoa cỏ, ngũ cốc, các loại lương thực. Đó là tướng hảo. Do vậy, danh từ Địa Tạng là biểu thị pháp. Nếu chúng ta biết khai thác, gạn lọc kho báu trong tâm địa, sẽ thọ dụng bất tận! Trí huệ, đức năng và tướng hảo của quý vị chẳng hai, chẳng khác chư Phật Như Lai, quý vị có cần phải kinh doanh nữa hay chẳng? Chẳng cần! Người thế gian đạt được phú quý chẳng dễ dàng, các vị hãy ngắm xem, kinh Hoa Nghiêm nói đến sự phú quý của Tỳ Lô Giá Na Phật, kinh Vô Lượng Thọ nói đến sự phú quý của A Di Đà Phật, có cần phải kinh doanh hay không? Chẳng cần, tự nhiên! Quý vị thấy một tòa cao ốc này cần bao nhiêu người thiết kế, các thứ vật liệu, các loại nhân công, thiếu một thứ đều không được. Cung điện bảy báu trong thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng chẳng có ai thiết kế, mà cũng chẳng có người lo liệu xây dựng, [toàn là] tự nhiên!

Đối với chuyện ăn uống hàng ngày, ba bữa cơm của chúng ta cần rất nhiều người làm lưng trong bếp. Quý vị thấy thế giới Cực Lạc, quý vị muốn ăn cơm, ý niệm vừa mới chớm, cơm và thức ăn đã bày sẵn trên bàn, thức ăn trăm vị! Món ăn trăm vị: Xưa kia hoàng đế ăn uống, thức ăn trong mỗi bữa cơm đều là một trăm món đồ ăn. Điền cố “*bách vị ẩm thực*” do đây mà có. Bất luận hoàng đế ăn hay không, đương nhiên mỗi bữa ăn nhất định là một trăm món thức ăn. Do vậy, ngự trù đương nhiên là những đầu bếp nổi tiếng, một trăm món đồ ăn lại còn chẳng thể mỗi ngày đều giống nhau. Mỗi ngày đều như nhau thì không được, người ta trông thấy chán ngán, phải thường xuyên thay đổi. Trong thế giới Cực Lạc, nếu quý vị muốn dùng bữa, có thể một trăm món là tối thiểu. Đây là thế giới Cực Lạc, trong kinh Vãng Sanh có nói vấn đề này. Nhưng lại suy nghĩ, đã đến thế giới Cực Lạc, tức là không còn trong mười pháp giới, chẳng cần dùng [ẩm thực] nữa! Khi chẳng dùng nữa, nó sẽ chẳng có. Vì thế, cũng chẳng cần dọn dẹp, cũng chẳng phải rửa chén, rửa đĩa, chẳng cần! Tự nhiên chẳng có. Nghĩ đến áo



được áo, nghĩ đến ăn bèn có ăn, đúng là thuận theo lòng muốn, thật sự là “*tâm tương sự thành*”. Vì sao? Tánh Đức khởi tác dụng, đó là “*đắc đại tự tại!*”

Quý vị ở trong nhà cửa, nhà cửa trang nghiêm, tinh xảo, đẹp đẽ, đáng gọi là cung điện. Quý vị thích ở trên mặt đất, nhà quý vị sẽ ở trên mặt đất. Quý vị thích ở trên không trung, nhà ở liền thăng lên không trung. Mong nó thăng lên cao hơn, nó sẽ cao hơn, ổn định, chẳng lay động chút nào, chẳng chấn động mây may nào! Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, những thứ ấy hoàn toàn thuộc về quả báo, đều thuộc về Tánh Đức. Dùng phương pháp gì? Giống như ngũ cốc, các loại lương thực trên đại địa đều phải gieo trồng thì mới có thu hoạch, phải khai thác những quặng mỏ vàng, bạc, đồng, sắt dưới đất, đã khai thác rồi còn phải nung luyện. Nếu không, quý vị chẳng thể sử dụng được. Trong tự tánh của chúng ta có vô lượng của báu, tức là trí huệ, đức năng, và tướng hảo, dùng phương pháp gì để khai thác? Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta “*hiếu thân, tôn sư*”. Do vậy, kinh Địa Tạng là Hiếu Kinh của Phật môn. [Hiếu thân, tôn sư] là hai công cụ trọng yếu để khai thác Tánh Đức mà ai nấy đều có, bản thân quý vị phải biết dùng thì mới có thể khai thác kho báu trong tự tánh.

Quý vị xem kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật giảng cho phu nhân Vy Đề Hy nghe. Nói thật ra, phu nhân Vy Đề Hy cũng là Bồ Tát tái lai, dùng thân phận hoàng hậu để hóa độ chúng sanh. Bà hỏi thay cho chúng ta, đức Phật giải đáp cho bà ta, chính là nói với mọi người. Đây là một hỏi, một đáp. Học Phật thì bắt đầu học từ chỗ nào? “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”, học từ chỗ này. Chư vị hãy ngẫm xem, bốn câu ấy có phải là Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh hay không? Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, đây là một môn học đầu tiên, là môn công khóa tu học thứ nhất, hiếu thân tôn sư. Nếu chẳng có môn học này, quý vị học những thứ khác sẽ hoàn toàn xôi hỏng bỏng không, giống như xây nhà, đây là tầng thứ nhất.

Hiếu thân tôn sư lại tiền cao hơn, sẽ do Quán Thế Âm Bồ Tát làm đại biểu. Ngài đại biểu điều gì? Đại từ, đại bi, giáo dục từ bi, tức là khuếch trương hiếu thân tôn sư, nói thật ra là hai chữ Hiếu Kính. Hiếu kính được mở rộng, hiếu kính hết thầy chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Đây là môn học thứ hai. Bồ Tát Giới Kinh bảo, “*hết thầy người nam là cha ta, hết thầy người nữ là mẹ ta*”. Lại nói “*hết thầy chúng sanh đều là vị lai Phật*”. Đối với Phật phải kính, đối với cha mẹ phải hiếu. Quán Âm Bồ Tát làm được, mở rộng lòng hiếu kính đến hết thầy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới, giáo dục lòng yêu thương: “*Ái tâm khắp pháp giới, thiện ý ngập Sa Bà*”, Quán Thế Âm Bồ Tát làm đại biểu. Sau đây, quý vị mới hiểu Quán Thế Âm đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, dùng gì để cứu khổ cứu nạn? Dùng đại hiếu, dùng đại kính, hiếu kính sẽ có thể cứu khổ cứu nạn. Hiện thời, thế giới này có quá nhiều tai nạn, lăm xung đột, làm thế nào để hóa giải xung đột? Làm thế nào để khôi phục hòa bình trong thế giới này? Quán Âm Bồ Tát thật sự hữu hiệu. Ai nấy có thể hiếu thảo với cha mẹ, phát huy rạng rỡ lòng hiếu thảo với cha mẹ, ai nấy có thể kính trọng thầy, phát huy rạng rỡ lòng kính yêu, sẽ chẳng có xung đột, chẳng có tai nạn, xã hội an định, thế giới sẽ hòa bình. Chẳng có ai biết. Vì thế, trông thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát,

lập tức phải nghĩ đến hiếu thân tôn sư, trông thấy hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ nghĩ đối với hết thầy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới đều phải nên hiếu, phải nên kính.

Môn học thứ ba do Văn Thù làm đại biểu. Văn Thù đại biểu trí huệ, đại biểu lý trí. Vì sao? Nếu có cảm tình xen vào thì hiếu kính sẽ chẳng viên mãn. Cảm tình sẽ nảy sanh lệch lạc, nảy sanh lòng yêu thương thiên vị, sẽ chẳng đạt được công bằng. Do vậy, phải nên làm như thế nào? Phải nên có lý trí, phải dùng trí huệ, đừng nên dùng cảm tình, phải dùng sự thanh tịnh, đừng dùng sự nhiễm ô, phải dùng lòng bình đẳng, đừng nên dùng tâm cao hạ. Đây là điều được biểu thị bởi Văn Thù Bồ Tát, như vậy thì sẽ giống như Phật.

Thứ tư là Phổ Hiền. Phổ Hiền đại biểu gì? Phổ Hiền đại biểu thực tiễn, tức là thực hiện. Thực hiện hiếu kính, từ bi, trí huệ trong cuộc sống của chính mình, thực hiện trong khởi tâm động niệm, trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong cách đối người, tiếp vật của chính mình. Phổ Hiền là thực hiện, nay chúng ta nói là “thật sự làm”. Ngài điều gì cũng đều làm được. Do vậy, quý vị nên hiểu rõ ý nghĩa của “*đế quán Phật thời*” (khi quán Phật cận kề): Đối với giáo huấn của Phật Đà, chúng ta phải thực hiện một trăm phần trăm giống như Phổ Hiền Bồ Tát. Chư vị phải biết, trong kinh Hoa Nghiêm này, Hoa Nghiêm Tam Thánh gồm một vị Phật, hai vị Bồ Tát, nhằm thể hiện sự biểu thị pháp trong môn học này. Phật là Tỳ Lô Giá Na, Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Xứ, có nghĩa là “*không lúc nào chẳng tồn tại, không nơi đâu chẳng tồn tại*”, đây là gì? Pháp Tánh! Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật gọi Ngài (Tỳ Lô Giá Na) là Pháp Thân Phật. Có hình tướng hay không? Chẳng có hình tướng, Pháp Thân Phật chẳng có hình tướng, trọn khắp hết thầy mọi nơi. Khoa học gia hiện thời nói về năng lượng, danh từ khoa học là Trường, năng lượng và trường chẳng có hình tướng.

Ngoài ra, hai vị Bồ Tát thì một là Văn Thù, hai là Phổ Hiền. Văn Thù biểu thị trí huệ, Phổ Hiền biểu thị thực tiễn. “*Phổ*” (普, Samanta) có ý nghĩa tương ứng với Tỳ Lô Giá Na. “*Phổ*” là phổ biến, cũng là “*không đâu chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại*”. Trong phẩm tiếp theo, chúng tôi sẽ nói đến Hiền (賢, Bhadra). Phẩm kế tiếp là phẩm Hiền Thủ (賢首), sẽ giải thích tỉ mỉ chữ Hiền. Tự tánh vốn sẵn đủ hiền đức. Chính mình phải làm đến mức như Phổ Hiền, sau đây mới nhìn lại, sẽ thấy hết thầy chúng sanh không ai chẳng phải là Phổ Hiền, nó chứa đựng ý nghĩa sâu xa ngàn ấy! Vì thế, thấy Phổ Hiền Bồ Tát, chúng ta sanh tâm hồ thẹn, vì sao? Ngài làm được, vì sao chúng ta chẳng làm được? Hãy nên nỗ lực gắng công đuổi kịp. Hiền thời, hãy từ chỗ cơ sở nhất, Đệ Tử Quy chẳng làm được, đây là điều cơ sở nhất. Đối diện Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát đối với giáo huấn của chư Phật, đã thực hiện viên mãn từng ly từng tý. Bất luận là bộ kinh, luật, luận nào, Ngài đều làm được toàn bộ.

Đối với giáo huấn của Phật, Phổ Hiền là thật sự học, chân thật học tập, chẳng có câu nào nói suông! Thực hiện viên mãn Đệ Tử Quy, thực hiện viên mãn Thập Thiện Nghiệp Đạo, thực hiện viên mãn Tam Quy, Ngũ Giới, thực hiện viên mãn lục độ, vạn hạnh, chẳng có gì Ngài không thực hiện viên mãn, làm được một

trăm phần trăm. Đây gọi là Phổ Hiền. Người thế gian chẳng thể sánh bằng Ngài. Người thế gian [biên giáo huấn của đức Phật thành] học vắn, suốt đời trước tác khá nhiều, nhưng hoàn toàn chẳng làm được. Học rất nhiều, lý giải rất nhiều, vì người khác diễn nói cũng rất nhiều, chính mình chẳng làm được! Do vậy, Thiên Thai đại sư đã nói, theo truyền thuyết, ngài Trí Giả (Thiên Thai đại sư) là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai. Người Nhật Bản hết sức sùng bái Ngài, người Đại Hàn cũng thế. Khi tôi sang thăm Nhật Bản, [có nói với họ, theo] truyền thuyết, Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật tái lai, Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai. Họ nói họ biết, họ cũng có truyền thuyết ấy, là truyền thuyết từ xưa, từ Trung Hoa truyền sang Nhật Bản, truyền sang Hàn quốc.

Do vậy, vì sao chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh có thể sanh ra hiệu quả to lớn ngàn ấy? Một mực ảnh hưởng cho đến hiện thời, ảnh hưởng đến toàn thế giới. Chẳng có gì khác, các Ngài thầy đều làm được rồi mới nói, mới dạy kẻ khác. Các Ngài thật sự nêu gương tốt, nêu tấm gương tốt nhất. Vì thế, kẻ khác chẳng thể không khâm phục các Ngài, chẳng thể không bị ảnh hưởng, đạo lý ở chỗ này. Đây là thánh nhân. Phàm những gì các Ngài đã nói, các Ngài đều có thể làm được, đây là hiền nhân, kém hơn một bậc! Vì sao kém một bậc? Thánh nhân thì rất nhiều vị làm được nhưng không nói, các vị ấy viên mãn; hiền nhân thì nói xong các vị ấy có thể thật sự thực hiện, có thể làm được, chẳng nói thì không tính. Nếu nói mà làm chẳng được, đây là phàm nhân, chẳng phải là thánh hiền. “*Nói được mà chẳng làm được*” chẳng phải là không làm; nói rồi cũng làm, nhưng chẳng làm viên mãn! Chẳng hạn như nói “*hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si*”, người đọc sách xưa kia có làm hay không? Làm chứ! Nếu chúng ta coi một trăm phần là trọn vẹn thì những người ấy tối đa chỉ có thể làm nổi mười phần, hai mươi phần, chẳng đạt chuẩn để được coi là hiền nhân, đạo lý ở chỗ này! Vì sao phàm phu học theo thánh hiền mà chẳng học thành công? Chẳng có cách nào thực hiện một trăm phần trăm! Vì sao chẳng thể thực hiện? Chẳng buông xuống tập khí phiền não được, nguyên nhân thật sự là ở chỗ này. Do vậy, quý vị chẳng thành thánh, mà cũng chẳng thành hiền.

Trong Phật pháp, thánh là Phật, hiền là Bồ Tát, quý vị thấy chúng ta ở đây nói tới các địa vị thuộc về Thập Tín. Hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín ít phải buông xuống tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thuộc tam giới thì mới làm được một chút, thật sự hành mà! Nhập cảnh giới Phật là học trò lớp Một Tiểu Học, vào học, thật sự nhập học để học tập. Trong tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, điều đầu tiên là Thân Kiến, nói thật ra là như kinh Kim Cang đã dạy: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Vị ấy làm được, đương nhiên là làm chẳng viên mãn, có thể làm được ba phần, hoặc có thể làm đến năm phần bèn nhập môn. Lũ bình phàm chúng ta chẳng làm được, một phần cũng chẳng làm được! Sau đấy, Nhị Tín, Tam Tín, đại khái là vị ấy đã làm viên mãn, môn học ấy bèn viên mãn!

Sau khi đã viên mãn, lại đoạn Tư Hoặc. Tư Hoặc là gì? Tham, sân, si, mạn, nghi, cũng là dần dần đoạn từng phần. Đạt đến địa vị Thất Tín sẽ đoạn sạch, tức là đã đoạn Kiến Tư phiền não trong lục đạo. Kiến Tư phiền não là cái nhân luân

hồi trong lục đạo. Vì thế, Bồ Tát đạt đến địa vị Thất Tín bèn vượt thoát lục đạo, chẳng ở trong lục đạo. Chẳng ở trong lục đạo thì đến nơi đâu? Trong Bồ Tát pháp giới thuộc tứ thánh pháp giới, Ngài ở nơi đó lại đoạn Trần Sa phiền não. Trần Sa phiền não đoạn hết thì là Phật trong mười pháp giới, tông Thiên Thai gọi [vị Phật này] là địa vị Tương Tự Phật. Phật đoạn gì? Phật đoạn phẩm vô minh cuối cùng. Phá trừ phẩm vô minh cuối cùng ấy, Ngài lia khỏi mười pháp giới, đến thế giới Hoa Tạng. Thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới; khi ấy, Ngài và Tỳ Lô Giá Na Phật dung nhập một thể.

Chúng ta chớ nên không hiểu rõ những giáo huấn này. Chẳng hiểu rõ, quý vị sẽ chẳng biết thực hiện từ nơi đâu, chẳng biết học bằng cách nào! Sau khi đã hiểu rõ mới minh bạch, rành rẽ, biết đi theo đường lối nào. Hiện thời, chúng ta đã bắt đầu đi hay chưa? Bắt đầu rồi, đi rất chậm rãi. Đi theo phương hướng và mục tiêu này; chẳng sai! Có đi lên đường [cao tốc] hay chưa? Chưa lên được! Giống như chúng ta lái xe trên đường cao tốc, hiện thời chúng ta đang ở trên con đường dẫn vào đường cao tốc (ramp), chưa vào đến đường cao tốc. Đường dẫn sẽ dẫn dắt quý vị vào con đường cao tốc, nay chúng ta đang lái trên đường dẫn. Khi nào sẽ lái xe trên đường cao tốc? Lái xe trên đường cao tốc là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, thật sự đoạn Kiến Hoặc, thật sự buông xuống.

Thật sự buông xuống là chánh tri chánh kiến, khi ấy còn chưa nói đến Tri. Đây là chánh kiến, tức là kiến giải chẳng có sai lầm. Phải đoạn hết Tư Hoặc mới là chánh tri; đây chính là chánh tri chánh kiến. Đạt đến địa vị Thất Tín chính là chánh tri chánh kiến; nhưng Sơ Tín là chánh kiến, đạt đến Thất Tín sẽ là chánh tri, phải hiểu điều này! Vì thế, A La Hán được gọi là Chánh Giác; lại tiến cao hơn, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, đạt tới mục đích sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng tôi dùng đường cao tốc để tỷ dụ cho chư vị dễ hiểu. Từ chỗ nào đi lên đường cao tốc? Nay chúng ta còn chưa tìm được, vẫn là đang tìm con đường dẫn (ramp) ở chỗ nào. Hễ tìm được đường dẫn, sẽ bảo đảm có thể lên được [đường cao tốc]. Khi nào sẽ lên? Đã đoạn Kiến Hoặc, chẳng còn chấp trước thân này là ta. Giải thích cặn kẽ sẽ thuộc trong phần sau, tức là trong phẩm Hiền Thủ chúng ta sẽ đọc thấy.

Do đó, kinh này càng đọc càng có ý vị, từng câu từng chữ đều liên quan hết sức to lớn với chúng ta. Một bộ kinh Hoa Nghiêm giảng gì vậy? Nói về bản thân chúng ta, chẳng phải là ai khác, chẳng phải là chuyện ngoài thân, mà là đại sự thiết thân. Sau đây, mới hiểu chúng ta đã sai lầm ở chỗ nào, nhất định phải tu chỉnh những lỗi lầm ấy thì mới có thể không ngừng nâng cao linh tánh của chính mình. Tăng tấn cao hơn, nguyên lý và nguyên tắc để tăng tấn chẳng có gì khác, tức là phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Trí huệ tăng trưởng là tăng tấn, buông xuống phiền não thì quý vị sẽ có thể tăng tấn cao hơn. Chẳng buông xuống phiền não, sẽ chẳng có cách nào tăng tấn cao hơn. Buông xuống là công phu thật sự. Thấy thấu suốt là học vấn thật sự. Thấy thấu suốt sẽ tăng tấn; đã tăng tấn, vẫn phải buông xuống. Quý vị chẳng buông xuống hết sạch! Hãy buông xuống toàn bộ, ngay cả “buông xuống” cũng buông xuống luôn. Đây là Phật quả viên mãn, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bản thân quý vị có biết hay không? Biết

chứ, biết đường lối, từ Sơ Phát Tâm cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trên con đường ấy. Tiến lên mỗi bước đều hiểu rành rẽ, rõ ràng, chẳng cần phải hỏi ai khác! Quý vị hỏi người khác, người ta chẳng đạt tới cảnh giới của quý vị, họ làm sao biết nổi!

Hỏi ai? Đọc kinh. Đương nhiên thuận tiện nhất, đơn giản nhất là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm nói về đường lối thành Phật. Từ Sơ Tín, nay chúng ta là hội thứ hai, hội thứ hai là hội Thập Tín, hội thứ ba là hội Thập Trụ, hội thứ tư là Thập Hạnh, hội thứ năm là Thập Hồi Hương, hội thứ sáu là Thập Địa, sau đây là Đẳng Giác và Diệu Giác, kinh Hoa Nghiêm nói về đường lối thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm dạy “*phản bản, quy chân*” (trở về cội gốc, quay về sự chân thật), đúng là phá mê khai ngộ, chuyển mê thành giác, chuyển tà thành chánh, chuyển nhiễm thành tịnh, thấy đều ở trong Hoa Nghiêm.

Vậy thì nếu quý vị hỏi, có một phương pháp đơn giản hay không? Rất nhiều người nêu lên câu hỏi này, lúc tôi mới học Phật đã nêu ra vấn đề này với Chương Gia đại sư: “Có một phương pháp nào khiến cho con tiến nhập rất nhanh chóng hay không?” Lão nhân gia dạy tôi cũng đúng là đơn giản, dễ hiểu: “*Thấy thấu suốt, buông xuống, anh sẽ khế nhập*”. Thực hiện từ chỗ nào? Điều này rất quan trọng, thầy dạy tôi bố thí. Vì thế, trong sáu môn Công Khóa của Bồ Tát, đứng đầu trong Lục Ba La Mật là Bố Thí, năm món sau đó vẫn là Bố Thí! Trong Bố Thí có Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí và Vô Úy Bố Thí. Trì Giới Ba La Mật và Nhẫn Nhục Ba La Mật thuộc về Vô Úy Bố Thí. Tinh Tấn, Thiền Định, và Bát Nhã thuộc Pháp Bố Thí. [Do đó, Chương Gia đại sư] đáp bằng một câu “*bố thí*” bèn viên mãn. Quý vị chẳng buông xuống, sẽ không được! Phổ Hiền Bồ Tát thị hiện triệt để buông xuống, chẳng có gì không buông xuống; do vậy, Ngài thị hiện thứ gì cũng đều viên mãn, chẳng có thứ gì không viên mãn, đây là Phổ Hiền. A! Nay đã hết thời gian rồi!

**Đại Phương Quảng Phật  
Hoa Nghiêm Kinh  
Phẩm thứ mười một  
Tịnh Hạnh Phẩm  
Phần 54 hết**